| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH AN GIANG | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 4947 /QĐ-UBND | *An Giang, ngày 03 tháng 11 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc thành lập Hội đồng khám sức khỏe khu vực

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;*

*Căn cứ Thông tư số 105/2023/TT-BQP ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; Thông tư số 106/2025/TT-BQP ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 105/2023/TT-BQP;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2023/TT-BCA ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn sức khỏe đặc thù và khám sức khỏe đối với lực lượng Công an nhân dân; Thông tư số 131/2025/TT-BCA ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, một số điều của Thông tư số 62/2023/TT-BCA ngày 14 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Kế hoạch số 432/KH-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tuyển, chọn và gọi công dân nhập ngũ; công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2027;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh tại Tờ trình số 518/TTr-SYT ngày 30 tháng 10 năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập 26 Hội đồng khám sức khỏe khu vực để thực hiện nhiệm vụ khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự và tham gia Công an nhân dân năm 2027 trên địa bàn tỉnh *(danh sách kèm theo).*

**Điều 2.** Hội đồng khám sức khỏe khu vực có nhiệm vụ:

1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh về triển khai khám sức khỏe, phân loại và kết luận sức khỏe đối với từng công dân được gọi nhập ngũ và tham gia Công an nhân dân.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã (thuộc địa bàn khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự và tham gia Công an nhân dân) xây dựng kế hoạch, phổ biến kế hoạch khám sức khỏe; hướng dẫn các quy định về tiêu chuẩn sức khỏe; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Hội đồng sau khi thành lập.

3. Phối hợp với Ban chỉ huy Quân sự cấp xã, Công an cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác chuẩn bị địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tổ chức thực hiện khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự và tham gia Công an nhân dân theo đúng quy định.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự cho Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh (qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) và Sở Y tế; bàn giao toàn bộ hồ sơ sức khỏe cho Hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã (qua cơ quan y tế cùng cấp). Tổng hợp, báo cáo kết quả khám sức khỏe công dân tham gia Công an nhân dân và bàn giao hồ sơ sức khỏe cho Công an cấp xã (qua cơ quan y tế cùng cấp).

5. Chủ tịch Hội đồng khám sức khỏe khu vực chịu trách nhiệm trước Hội đồng Nghĩa vụ quân sự cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận sức khỏe công dân thuộc diện được gọi thực hiện nghĩa vụ quân sự

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và các thành viên có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Bộ Y tế;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 9;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, vttrung.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Minh Thúy**

# PHỤ LỤC
# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| Từ viết tắt | Dịch nghĩa |
|---|---|
| ATTP-YTCC&DD | An toàn thực phẩm-Y tế công cộng và Dinh dưỡng |
| BSĐK | Bác sĩ đa khoa |
| BSYK | Bác sĩ y khoa |
| CC-HSTC&CĐ | Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc |
| CK | Chuyên khoa |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| DS&PT-CSSKSS-PS | Dân số và phát triển-Chăm sóc sức khỏe sinh sản-Phụ sản |
| ĐDT | Điều dưỡng trưởng |
| ĐD-TT&GDSK | Điều dưỡng-Truyền thông và Giáo dục sức khỏe |
| ECG | Điện tâm đồ |
| HSCC | Hồi sức cấp cứu |
| KB-TV&ĐTNC | Khám bệnh-Tư vấn và Điều trị nghiện chất |
| KCB | Khám bệnh, chữa bệnh |
| KSBT | Kiểm soát bệnh tật |
| KTV | Kỹ thuật viên |
| KHNV-ĐD | Kế hoạch nghiệp vụ-Điều dưỡng |
| KHTH | Kế hoạch tổng hợp |
| LCK | Liên chuyên khoa |
| NV | Nhân viên |
| Ngoại-PT-GMHS | Ngoại-Phẫu thuật-Gây mê hồi sức |
| PKĐKKV | Phòng khám đa khoa khu vực |
| RHM-M-TMH | Răng Hàm Mặt-Mắt-Tai Mũi Họng |
| SP-KHHGĐ | Sản phụ-Kế hoạch hóa gia đình |
| TCKT | Tài chính Kế toán |
| TCHC | Tổ chức Hành chính |
| TK | Trưởng khoa |
| TP | Trưởng phòng |
| TTYT | Trung tâm y tế |
| XN-CĐHA-KSNK | Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh-Kiểm soát nhiễm khuẩn |
| UVTT | Ủy viên Thường trực |
| YHCT-PHCN | Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng |

# DANH SÁCH HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC

*(ban hành kèm theo Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 03 /11/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

## HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC THOẠI SƠN

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | CK phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Ngọc Điệp | 1968 | Giám đốc, TTYT Thoại Sơn | BSCKI | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 0020216/AG-CCHN | KCB CK Nhi | 0918619466 | |
| 2 | Võ La Cường | 1976 | Phó Giám đốc, TTYT Thoại Sơn | BSCKII | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000899/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0696365286 | |
| 3 | Trần Ngọc Sơn | 1980 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Thoại Sơn | Thạc sĩ Điều dưỡng | UVTT kiêm Thư ký | | 0005171/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0914929268 | |
| 4 | Đỗ Thị Tuyết Nhung | 1973 | TK Truyền nhiễm, TTYT Thoại Sơn | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Thần kinh; Tâm Thần | 007061/AG-CCHN | KCB Nội khoa | 0982264077 | |
| 5 | Trần Minh Khôi | 1965 | NV Khoa Ngoại - Tổng hợp, TTYT Thoại Sơn | BSĐK | Ủy viên | Ngoại khoa | 061345/AG-CCHN | KCB CK hệ Ngoại | 0918754134 | |
| 6 | Phạm Thị Thanh Phương | 1982 | NV Khoa LCK, TTYT Thoại Sơn | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Mắt | 000199/AG-GPHĐ | Điều dưỡng; sơ bộ Mắt | 0962759579 | |

***Ghi chú:*** *BYT: Bộ Y tế; BNV: Bộ Nội vụ; TTLT: Thông tư liên tịch; KCB: Khám bệnh, chữa bệnh; CK: Chuyên khoa; KSK: Khám sức khỏe; PVHĐCM: Phạm vi hoạt động chuyên môn; CDNN: Chức danh nghề nghiệp; CNTT: Công nghệ thông tin; TP: Trưởng phòng; TK: Trưởng khoa; ĐDT: Điều dưỡng trưởng; BSCKI/CKII: Bác sĩ chuyên khoa I/chuyên khoa II; BSYK: Bác sĩ y khoa; BSĐK: Bác sĩ đa khoa; KTV: Kỹ thuật viên; NV: Nhân viên; CC-HSTC&CĐ: Cấp cứu-Hồi sức tích cực và Chống độc; Ngoại-PT-GMHS: Ngoại-Phẫu thuật-Gây mê hồi sức; RHM-M-TMH: Răng Hàm Mặt-Mắt-Tai Mũi Họng; YHCT-PHCN: Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng; YHCT: Y học cổ truyền; KSBT: Kiểm soát bệnh tật; XN-CĐHA-KSNK: Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh-Kiểm soát nhiễm khuẩn; CĐHA: Chẩn đoán hình ảnh; ECG: Điện tâm đồ; LCK: Liên chuyên khoa; TTYT: Trung tâm Y tế; SP-KHHGĐ: Sản phụ-Kế hoạch hóa gia đình; PKĐKKV: Phòng khám đa khoa khu vực; KHNV-ĐD: Kế hoạch nghiệp vụ-Điều dưỡng; TCHC: Tổ chức Hành chính; TCKT: Tài chính Kế toán; DS&PT-CSSKSS-PS: Dân số và phát triển-Chăm sóc sức khỏe sinh sản-Phụ sản; ĐD-TT&GDSK: Điều dưỡng-Truyền thông và Giáo dục sức khỏe; KB-TV và ĐTNC: Khám bệnh-Tư vấn và Điều trị nhu cầu; ATTP-YTCC và DD: An toàn thực phẩm-Y tế công cộng và Dinh dưỡng.*

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Nguyễn Thị Hằng Ni | 1984 | NV K.LCK, TTYT Thoại Sơn | BSĐK | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 07863/AG-CCHN | KCB CK Tai Mũi Họng | 0365123115 | |
| 8 | Võ Trường Khoa Văn | 1987 | NV Khoa LCK, TTYT Thoại Sơn | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 003988/AG-CCNH | Điều dưỡng | 0939296087 | |
| 9 | Phạm Ngân Khải | 1993 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Thoại Sơn | BSĐK | Ủy viên | Da liễu | 005134/AG-CCHN | KCB đa khoa; sơ bộ Da liễu | 0332442771 | |
| 10 | Nguyễn Thị Ánh Linh | 1994 | NV Khoa SKSS&PSTTYT Thoại Sơn | Bác sĩ | Ủy viên | Sản khoa | 000099/AG-GPHN | CK Sản phụ khoa | 0398808736 | |
| 11 | Nguyễn Hữu Hiến | 1974 | NV Khoa XN, TTYT Thoại Sơn | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 0004012/AG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0939737573 | |
| 12 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 1973 | NV Khoa CĐHA, TTYT Thoại Sơn | BSĐK | Ủy viên | CĐHA | 0004592/AG-CCHN | KCB hệ Nội/CĐHA | 0939625033 | |
| 13 | Nguyễn Thị Hòa | 1982 | TK CĐHA, TTYT Thoại Sơn | Bác sĩ | Ủy viên | CĐHA | 006999/AG-CCHN | KCB hệ Nội/CĐHA | 0388690319 | |
| 14 | Phạm Thành Danh | 1966 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Thoại Sơn | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thị lực | 0015428/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0939519745 | |
| 15 | Lâm Văn Tươi | 1971 | NV Khoa XN, TTYT Thoại Sơn | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 0556/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0849832474 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC CHÂU ĐỐC

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phan Trọng Điền | 1966 | Giám Đốc, TTYT Châu Đốc | BSCKI | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 001746/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0902633326 | |
| 2 | Lại Công Bình | 1965 | Phó Giám Đốc, TTYT Châu Đốc | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000629/AG-CCHN | CĐHA; KCB hệ Nội | 0919949148 | |
| 3 | Đào Minh Tân | 1990 | TP KHNV-ĐD, TTYT Châu Đốc | BSCKI | UVTT kiêm Thư ký | Nội khoa; Thần kinh | 0005537/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Nội khoa | 0776813248 | |
| 4 | Nguyễn Thanh Tùng | 1985 | Phó TP KHNV-ĐD, TTYT Châu Đốc | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Tâm thần | 009523/AG-CCHN | KCB Nội khoa | 0914433834 | |
| 5 | Tô Thị Lan Hương | 1977 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Châu Đốc | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 000264/AG-CCHN | KCB CK Mắt; KCB hệ Nội | 0913047546 | |
| 6 | Trần Thúy Vy | 1992 | ĐDT Khoa CC-HSTC&CĐ, TTYT Châu Đốc | Điều dưỡng | Ủy viên | Mắt | 000200/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0389831009 | |
| 7 | Bành Kim Hiền | 1983 | TK CC-HSTC&CĐ, TTYT Châu Đốc | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 007036/AG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Tai Mũi Họng | 0985089144 | |
| 8 | Trần Ngọc Bích Tuyền | 1990 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Châu Đốc | Thạc sĩ Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 006244/AG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0949311349 | |
| 9 | Trần Thị Mỹ Nương | 1992 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Châu Đốc | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 007220/AG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0949209094 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Nguyễn Thị Ngọc Minh | 1994 | Phó TK Khám bệnh, TTYT Châu Đốc | Thạc sĩ Bác sĩ | Ủy viên | Da liễu | 008321/AG-CCHN | Nội khoa; CK Da liễu | 0898089177 | |
| 11 | Huỳnh Minh Triết | 1996 | TK Nội Nhi Truyền Nhiễm, TTYT Châu Đốc | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 0009646/AG-CCHN | KCB đa khoa; Ngoại khoa | 0349988270 | |
| 12 | Nguyễn Thị Hồng | 1974 | TK CSSKSS và PS, TTYT Châu Đốc | BSCKI | Ủy viên | Sản khoa | 07686/AG-CCHN | KCB Sản phụ khoa | 035622656 | |
| 13 | Nguyễn Văn Vui | 1070 | NV khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Châu Đốc | KTV | Ủy viên | Xét nghiệm | 5949/AG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0912804690 | |
| 14 | Dương Thị Bảo Nhi | 2000 | NV khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Châu Đốc | KTV | Ủy viên | Xét nghiệm | 0010472/AG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0857622827 | |
| 15 | Huỳnh Hồng Tuấn | 1979 | TK XN-CĐHA-KSNK, TTYT Châu Đốc | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 007135/AG-CCHN | KCB Nội khoa; CK CĐHA | 0919408887 | |
| 16 | Phan Hoàng Sơn Nam | 1989 | KTV Trưởng, Khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Châu Đốc | KTV | Ủy viên | CĐHA | 000209/AG-GPHN | Hình ảnh Y học | 0975949390 | |
| 17 | Nguyễn Tuyết Linh | 1979 | NV Khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Châu Đốc | Điều dưỡng | Ủy viên | Đo điện tim | 000198/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0923933952 | |
| 18 | Trần Văn Chương | 1995 | NV Khoa Nội Nhi Truyền nhiễm, TTYT Châu Đốc | Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 009463/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0944286448 | |
| 19 | Trần Thị Thanh Loan | 1985 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Châu Đốc | Dược sĩ Trung học | Ủy viên | Hỗ trợ | 1829/AG-CCHND | Dược sĩ | 0839088044 | |
| 20 | Phạm Kim Duyên | 1987 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Châu Đốc | Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 009738/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0333316414 | |
| 21 | Huỳnh Thị Ngọc Diễm | 1988 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Châu Đốc | Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 003241/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0963708044 | |
| 22 | Nguyễn Thị Thúy Ái | 1985 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Châu Đốc | Kỹ sư CNTT | Ủy viên | Hỗ trợ | | | 0939573135 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC AN BIÊN

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Huỳnh Đức Hoà | 1965 | Giám đốc, TTYT An Biên | BSCKI | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000552/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0965181515 | |
| 2 | Quách Minh Tấn | 1974 | Phó Giám đốc, TTYT An Biên | BSCKII | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận; Đọc ECG | 000669/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0394556516 | |
| 3 | Trần Văn Năm | 1981 | TP ĐD-TT & GDSK, TTYT An Biên | Thạc sĩ Điều dưỡng | Ủy viên thường trực kiêm Thư ký | Tổng hợp hồ sơ Trả kết quả | 001630/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0916333455 | |
| 4 | Trần Văn Biết | 1972 | TK CC-HSTC&CĐ, TTYT An Biên | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Đọc ECG | 000557/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0888224468 | |
| 5 | Nguyễn Thành Huy | 1980 | TK Ngoại-PT-GMHS, TTYT An Biên | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa; Da liễu | 001362/KG-CCHN | KCB Ngoại khoa; Chấn thương chỉnh hình | 0944555489 | |
| 6 | Lê Văn Nhiều | 1982 | Phó TK RHM-M-TMH, TTYT An Biên | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 005873/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Mắt | 0917442112 | |
| 7 | Võ Thanh Hoàng | 1973 | NV Khoa RHM-M-TMH, TTYT An Biên | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 005871/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tai Mũi Họng | 0977207020 | |
| 8 | Trịnh Công Thành | 1991 | NVKhoa RHM-M-TMH, TTYT An Biên | BSCKI | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 005835/KG-CCHN | CK Răng Hàm Mặt | 0817281291 | |
| 9 | Võ Thị Mỹ Tiên | 1990 | NV khoa Nội, TTYT An Biên | BSĐK | Ủy viên | Thần kinh Tâm thần | 002766/AG-CCHN | KCB đa khoa | 0842160690 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Đỗ Thị Thanh Vân | 1973 | TK CSSKSS và PS, TTYT An Biên | BSCKI | Ủy viên | Sản khoa | 000665/KG-CCHN | KCB CK Sản khoa | 0986863336 | |
| 11 | Huỳnh Thanh Việt | 1974 | TK XN & CĐHA, TTYT An Biên | BSCKI | Ủy viên | Siêu âm; Đọc kết quả X-quang | 000545/KG-CCHN | KCB CK CĐHA | 0988446066 | |
| 12 | Vũ Thị Ngọc | 1983 | KTV trưởng, Khoa XN & CĐHA, TTYT An Biên | Đại học Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 001399/KG-CCHN | Xét nghiệm | 0838086106 | |
| 13 | Trần Văn Sáu | 1984 | NV khoa XN & CĐHA, TTYT An Biên | KTV Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 00835/KG-CCHN | Xét nghiệm | 0945935185 | |
| 14 | Nguyễn Văn Mẫn | 1972 | KTV trưởng, Khoa XN & CĐHA, TTYT An Biên | KTV X-quang | Ủy viên | Chụp X-quang | 000842/KG-CCHN | Chụp X-quang | 0918988324 | |
| 15 | Ngô Thanh Ngọc | 1989 | NV Khoa Dược-VT-TBYT, TTYT An Biên | CKI Dược | Ủy viên | Đo thể lực | 1857/CCHN-D-SYT-KG | Dược | 0946443337 | |
| 16 | Bùi Thị Hoài Giang | 1970 | ĐDT Khoa Nội, TTYT An Biên | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 001382/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0916660570 | |
| 17 | Nguyễn Tuấn Vỹ | 1990 | NV Khoa CC-HSTC&CĐ, TTYT An Biên | Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 001365/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0914947119 | |
| 18 | Danh Thị Bạch | 1974 | NV Khoa XN & CĐHA, TTYT An Biên | Điều dưỡng | Ủy viên | Đo ECG | 001417/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0931587474 | |
| 19 | Nguyễn Thị Thùy Diễm | 1987 | ĐDT, Khoa RHM-M-TMH TTYT An Biên | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Phụ khám mắt | 002122/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0948967381 | |
| 20 | Phạm Thị Ly | 1990 | NV phòng ĐD-TT & GDSK, TTYT An Biên | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Nhập cận lâm sàng | 000892/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0985269917 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC CHÂU THÀNH - AN GIANG

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Huỳnh Văn Thừa | 1969 | Giám đốc, TTYT Châu Thành - An Giang | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 00061/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0948363200 | |
| 2 | Đặng Văn Trước | 1971 | Phó Giám đốc, TTYT Châu Thành - An Giang | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000066/AG-CCHN | KCB CK thuộc hệ Nội | 0974687859 | |
| 3 | Dương Thị Kim Phương | 1994 | NV Phòng TC- HC, TTYT Châu Thành - An Giang | Y sĩ đa khoa | UVTT kiêm Thư ký | Đo thể lực | 006621/AG-CCHN | Y sĩ | 0969906863 | |
| 4 | Trần Thái Bình | 1985 | NV Khoa RHM-M-TMH, TTYT Châu Thành - An Giang | Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 002366/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0765984945 | |
| 5 | Thạch Thị Mỹ Tiên | 1994 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Châu Thành - An Giang | BSYK | Ủy viên | Nội khoa, tâm thần, thần kinh | 001151/AG-GPHN | Y khoa | 0911261194 | |
| 6 | Phan Minh Ngưỡng | 1967 | NV Khoa Ngoại-PT-GMHS, TTYT Châu Thành - An Giang | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 004181/AG-CCHN | KCB CK Ngoại | 0918473678 | |
| 7 | Lê Thanh Tùng | 1976 | NV Khoa Ngoại - PT-GMHS, TTYT Châu Thành - An Giang | BSYK | Ủy viên | Ngoại khoa | 001257/AG-GPHN | Y khoa | 0869519685 | |
| 8 | Lê Thành Công | 1986 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Châu Thành - An Giang | Bác sĩ | Ủy viên | Mắt | 009497/AG-CCHN | KCB đa khoa | 0978676890 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Phạm Nguyễn Tú Toàn | 2000 | NV Khoa RHM M-TMH, TTYT Châu Thành - An Giang | Điều dưỡng | Ủy viên | Mắt | 009863/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0385911419 | |
| 10 | Bùi Thị Ngọc Dung | 1986 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Châu Thành - An Giang | Điều dưỡng | Ủy viên | Mắt | 002486/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0969109009 | |
| 11 | Lê Xuân Trường | 1966 | NV Khoa RHM M-TMH, TTYT Châu Thành - An Giang | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 000519/AG-CCHN | KCB CK Tai Mũi Họng | 098894906 | |
| 12 | Đoàn Thị Ngọc Hiếu | 1982 | NV Khoa RHM M-TMH, TTYT Châu Thành - An Giang | BSCKI | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 002537/AG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0919023224 | |
| 13 | Nguyễn Lê Trí | 1996 | NV, Khoa Khám bệnh, TTYT Châu Thành - An Giang | BSĐK | Ủy viên | Da liễu | 009709/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK da liễu cơ bản | 0963536545 | |
| 14 | Nguyễn Trần Kim Tuyến | 1994 | NV Khoa CSSKSS và PS, TTYT Châu Thành - An Giang | BSYK | Ủy viên | Sản khoa | 001293/AG-GPHN | Y khoa | 0334218346 | |
| 15 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 1981 | TK CSSKSS và PS, TTYT Châu Thành - An Giang | BSCKI | Ủy viên | Sản khoa | 002640/AG-CCHN | KCB hệ Ngoại - Sản | 0915729246 | |
| 16 | Huỳnh Mai Thanh Lộc | 1986 | Phó TK XN-CĐHA-KSNK,TTYT Châu Thành - An Giang | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 008588/AG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0944152024 | |
| 17 | Nguyễn Lê Phú Điền | 1999 | NV Khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Châu Thành - An Giang | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 009949/AG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0385275260 | |
| 18 | Nguyễn Huỳnh Nhật Tiến | 1999 | NV Khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Châu Thành - An Giang | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 009948/AG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0985190727 | |
| 19 | Phạm Phước Hậu | 1984 | NV Khoa XN-CĐHA-KSNK, | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 008309/AG-CCHN | CK CĐHA | 0974777176 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TTYT Châu Thành - An Giang | | | | | | | |
| 20 | Nguyễn Hữu Có | 1973 | Phó TK Nội, TTYT Châu Thành - An Giang | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 001427/AG-CCHN | CK CĐHA | 0918111171 | |
| 21 | Lê Tấn Phát | 1986 | NV Khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Châu Thành - An Giang | KTV | Ủy viên | Chụp X-quang | 0005720/AG-CCHN | KTV CĐHA | 0978571991 | |
| 22 | Nguyễn Thị Mỹ Hà | 1993 | NV Khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Châu Thành - An Giang | Cử nhân KTY | Ủy viên | Đo điện tiêm | 002174/AG-GPHN | KTY | 0818603606 | |
| 23 | Đặng Thị Thuỳ Ca | 1994 | NV Phòng TC-HC, TTYT Châu Thành - An Giang | Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 006621/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0393019893 | |
| 24 | Trương Kim Thảo | 1996 | NV Phòng KHNV - ĐD, TTYT Châu Thành - An Giang | Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 009674/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0374689112 | |
| 25 | Phan Duy | 2002 | NV Phòng KHNV - ĐD, TTYT Châu Thành - An Giang | Cử nhân CNTT | Ủy viên | Nhập liệu phần mềm | | | 0374333748 | |
| 26 | Huỳnh Ngọc ThỦy | 1977 | NV TTYT Châu Thành - An Giang | Hộ lý | Ủy viên | | | | 0387168640 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC KIÊN LƯƠNG

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hàng Thanh Tiến | 1977 | Giám đốc, TTYT Kiên Lương | BSCKI | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận Nội khoa - Thần kinh - Tâm Thần | 001638/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Truyền nhiễm | 0918005339 | |
| 2 | Bùi Tấn Phước | 1981 | Phó Giám đốc, TTYT Kiên Lương | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận; TMH, Nội khoa - Thần kinh - Tâm Thần | 004233/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Nội tổng hợp; TMH | 0987795495 | |
| 3 | Lê Thị Ngọc Tiên | 1977 | NV Phòng KHNV, TTYT Kiên Lương | Dược sĩ trung học | UVTT kiêm Thư ký | | | Dược sĩ | 0369595639 | |
| 4 | Nguyễn Huỳnh Bảo Nhi | 1992 | Phó TP KHNV, TTYT Kiên Lương | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa - Thần kinh - Tâm thần | 006727/KG-CCHN | KCB YHGĐ; định hướng CK Nội tổng quát | 0779797987 | |
| 5 | Bùi Thị Nguyệt | 1984 | ĐDT Khoa KSNK, TTYT Kiên Lương | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Đo sinh hiệu | 001655/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0388476824 | |
| 6 | Lê Thị Xuân Đào | 1984 | NV Phòng ĐD-TT&GDSK, TTYT Kiên Lương | Cử nhân Hộ sinh | Ủy viên | Đo sinh hiệu | 001614/KG-CCHN | Hộ sinh | 0984611210 | |
| 7 | Đinh Thị Nương | 1984 | NV Khoa Khám bệnh - TV và ĐTNC, TTYT Kiên Lương | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 000955/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0987023216 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Nguyễn Minh Luân | 1991 | NV Khoa KSBT-HIV/AIDS, TTYT Kiên Lương | Y sĩ đa khoa | Ủy viên | Đo thể lực | 006606/KG-CCHN | Y sĩ | 0965580585 | |
| 9 | Dương Xuân Thành | 1990 | NV Khoa KB - TV và ĐTNC, TTYT Kiên Lương | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa; Da liễu; đọc kết quả ECG | 007344/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Da Liễu; Đạc ECG | 0985499555 | |
| 10 | Trần Văn Tém | 1994 | NV Khoa Truyền Nhiễm, TTYT Kiên Lương | BSĐK | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 007647/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Răng Hàm Mặt | 0965122194 | |
| 11 | Ong Thị Minh Thuận | 1997 | NV Khoa RHM-Mắt-TMH, TTYT Kiên Lương | ĐD nha trung học | Ủy viên | Phụ khám Răng Hàm Mặt | 006041/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0362926345 | |
| 12 | Vũ Xuân Dũng | 1971 | Phụ trách Khoa RHM-Mắt-TMH, TTYT Kiên Lương | BSĐK | Ủy viên | Mắt | 004579/KG-CCHN | KCB đa khoa; Nhãn khoa | 0913864645 | |
| 13 | Đào Huỳnh Như | 1995 | NV Khoa YHCT-PHCN, TTYT Kiên Lương | Y sĩ | Ủy viên | Phụ khám Mắt | 005826/KG-CCHN | KCB bằng YHCT | 0825667778 | |
| 14 | Lê Huỳnh Phương Thúy | 1983 | TK CSSKSS và PS, TTYT Kiên Lương | BSCKI | Ủy viên | Phụ khoa | 004566/KG-CCHN | KCB CK SP-KHHGĐ | 0917773393 | |
| 15 | Ngô Thị Bạch Cúc | 1989 | NV Phòng ĐD-TT&GDSK, | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo điện tâm đồ | 000326/KG-GPHN | Điều dưỡng | 0975517627 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TTYT Kiên Lương | | | | | | | |
| 16 | Huỳnh Kim Liễu | 1984 | TK CĐHA, TTYT Kiên Lương | BSCKI | Ủy viên | Siêu âm tổng quát; Đọc kết quả X-Quang | 001624/KG-CCHN | KCB bằng YHCT; CK CĐHA | 0947334840 | |
| 17 | Điền Thụy Minh Xuân | 1985 | NV Phòng KHNV, TTYT Kiên Lương | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Phụ siêu âm | 001620/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0918743779 | |
| 18 | Lê Giang | 1995 | NV Khoa CĐHA, TTYT Kiên Lương | KTY | Ủy viên | Chụp X-quang | 000214/KG-GPHN | Hình ảnh y học | 0858547655 | |
| 19 | Chiêm Sử Kim Thoa | 1988 | TK Xét nghiệm, TTYT Kiên Lương | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Thực hiện Xét nghiệm | 001619/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0828622722 | |
| 20 | Phạm Thị Hiền | 1994 | KTV chính Khoa Xét nghiệm, TTYT Kiên Lương | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Thực hiện Xét nghiệm | 005215/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0945670772 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC TỊNH BIÊN

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Tấn Huy | 1979 | Giám đốc, TTYT Tịnh Biên | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Phụ trách chung | 000604/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp; CK Ngoại khoa | 0913700303 | |
| 2 | Võ Văn Đưng | 1969 | Phó Giám đốc, TTYT Tịnh Biên | BSCKII | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000604/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp; CK Ngoại khoa | 0918420715 | |
| 3 | Huỳnh Văn Su | 1977 | TP KHNV-ĐD, TTYT Tịnh Biên | BSCKI | UVTT kiêm Thư ký | Tổng hợp hồ sơ báo cáo, kinh phí, vật tư | 002516/AG-CCHN | KCB CK thuộc hệ Nội; KCB Lao; HIV/AIDS | 0939205115 | |
| 4 | Nguyễn Bỉnh Khiêm | 1976 | Phó TK Nội, TTYT Tịnh Biên | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Thần kinh và Tâm thần | 001565/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp; KCB Lao | 0919523177 | |
| 5 | Nguyễn Công Huẩn | 1991 | TK Nội, TTYT Tịnh Biên | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Thần kinh và Tâm thần | 006156/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Lão khoa; KCB Lao; Siêu âm; đọc ECG | 0353926350 | |
| 6 | Trang Hữu Đức | 1975 | Phó TK Khám bệnh, TTYT Tịnh Biên | BSCKII | Ủy viên | Ngoại khoa; da liễu | 000362/AG-CCHN | KCB CK Ngoại; CK Sản phụ khoa | 0918401813 | |
| 7 | Mohamach Amin | 1989 | NV Khoa Ngoại-PT-GMHS, TTYT Tịnh Biên | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa; da liễu | 005888/AG-CCHN | KCB Ngoại khoa | 0974777261 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Tiêu Thị Mỹ | 1976 | Phó TK Khám bệnh, TTYT Tịnh Biên | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 07678/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Nội khoa | 0399224245 | |
| 9 | Đoàn Văn Ngon | 1978 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Tịnh Biên | Dược sĩ Đại học | Ủy viên | Hỗ trợ khám Mắt | | Dược sĩ | 0938294025 | |
| 10 | Chau Hai Cơ | 1981 | NV Khoa Nội, TTYT Tịnh Biên | Bác sĩ CK sơ bộ Tai Mũi Họng | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 009001/AG-CCHN | KCB đa khoa; Tai Mũi Họng | 0345569144 | |
| 11 | Chau So Nane | 1983 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Tịnh Biên | Bác sĩ; sơ bộ Răng Hàm Mặt | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 002280/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp; Răng Hàm Mặt | 0906415398 | |
| 12 | Trịnh Thi Thanh Vân | 1982 | TK CSSKSS và PS, TTYT Tịnh Biên | BSCKI | Ủy viên | Sản phụ khoa | 002307/AG-CCHN | KCB CK thuộc hệ Nội; CK Sản phụ khoa-KHHGĐ; Siêu âm | 0823645439 | |
| 13 | Lữ Hoàng Việt Quốc | 1982 | TK XN-KSNK, TTYT Tịnh Biên | CKI XN | Ủy viên | Xét nghiệm | 002654/AG-CCHN | Xét nghiệm | 0908258523 | |
| 14 | Ngô Thị Ngọc Anh | 1986 | KTV trưởng, Khoa XN-KSNK, TTYT Tịnh Biên | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 002795/AG-CCHN | Thực hiện kỹ thuật Xét nghiệm | 0983416941 | |
| 15 | Võ Thị Cẩm Nhung | 1981 | Phó TK CĐHA, TTYT Tịnh Biên | BSCKI CĐHA | Ủy viên | Siêu âm; CĐHA | 0005800/AG-CCHN | KTV CĐHA | 0366642409 | |
| 16 | Nguyễn Hoàng Nam | 1991 | NV Khoa CĐHA, | KTV X-quang | Ủy viên | Chụp X-quang | 0005800/AG-CCHN | KTV CĐHA | 0983574358 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TTYT Tịnh Biên | | | | | | | |
| 17 | Trần Minh Tú | 1967 | NV CĐHA, TTYT Tịnh Biên | Y sĩ | Ủy viên | Đo ECG | 002461/AG-CCHN | Y sĩ; thực hiện kỹ thuật GMHS | 0913166862 | |
| 18 | Trịnh Thị Ánh Nguyệt | 1982 | Phó TP KHNV-ĐD, TTYT Tịnh Biên | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 003013/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0944960614 | |
| 19 | Nguyễn Thành Nhu | 1981 | NV Khoa CC-HSTC& CĐ, TTYT Tịnh Biên | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 002406/AG-CCHN | Điều dưỡng; thực hiện kỹ thuật GMHS | 0984855936 | |
| 20 | Nguyễn Thi Anh Thư | 1994 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Tịnh Biên | Y sĩ | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 07719/AG-CCHN | Y sĩ | 0378256548 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC TÂN HIỆP

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bùi Công Minh | 1978 | Giám đốc, TTYT Tân Hiệp | BS CKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 001585/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0917979217 | |
| 2 | Lý Ngọc Sơn | 1967 | Phó Giám đốc, TTYT Tân Hiệp | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 002809/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0986545163 | |
| 3 | Nguyễn Thị Ánh Hoa | 1987 | Phó TP TCKT, TTYT Tân Hiệp | Cử nhân Kế toán | UVTT kiêm Thư ký | Thư ký | | Kế toán | 0917225512 | |
| 4 | Trần Hoàng Minh | 1974 | Phó TK Ngoại, TTYT Tân Hiệp | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa, Da liễu | 001601/KG-CCHN | KCB Ngoại khoa | 0918243530 | |
| 5 | Dương Văn Hạnh | 1982 | TP KHNV, TTYT Tân Hiệp | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Tâm thần | 004293/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0834569004 | |
| 6 | Trần Hưng Vĩnh Liêm | 1982 | NV Khoa LCK, TTYT Tân Hiệp | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 005541/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Mắt | 0918068035 | |
| 7 | Nguyễn Thị Mỹ Dung | 1984 | Phó TK LCK, TTYT Tân Hiệp | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 004805/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tai Mũi Họng | 0987383682 | |
| 8 | Võ Đức Tài | 1991 | TK LCK, TTYT Tân Hiệp | BSCKI | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 005001/KG-CCHN | CK Răng Hàm Mặt | 0911343455 | |
| 9 | Vũ Quốc Triệu | 1974 | TK Khoa KSBT, TTYT Tân Hiệp | BSCKI | Ủy viên | Tâm thần | 005860/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tâm thần | 0763943026 | |
| 10 | Vũ Hồng Diệu | 1985 | NV Khoa LCK, TTYT Tân Hiệp | ĐD Đại học | Ủy viên | Hỗ trợ khám Mắt | 001526/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0396600571 | |
| 11 | Lý Đại Khương | 1983 | NV Khoa YHCT, TTYT Tân Hiệp | Y sĩ YHCT | Ủy viên | Đo thể lực | 0003598/KG-CCHN | Y sĩ | 0373707171 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Đỗ Minh Khả | 1978 | TP ĐD, TTYT Tân Hiệp | Điều dưỡng Đại học | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 001522/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0369013623 | |
| 13 | Lê Thị Quỳnh Hoa | 1988 | NV Phòng KHNV, TTYT Tân Hiệp | Điều dưỡng Đại học | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 001540/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0933621544 | |
| 14 | Nguyễn Đỗ Văn | 1987 | NV Khoa XN, TTYT Tân Hiệp | KTV Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 001573/KG-CCHN | Xét nghiệm | 0783391939 | |
| 15 | Nguyễn Thị Phượng Dung | 1983 | NV Khoa XN, TTYT Tân Hiệp | KTV Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 001571/KG-CCHN | Xét nghiệm | 0907848893 | |
| 16 | Nguyễn Quốc Toản | 1987 | TK Khoa CĐHA, TTYT Tân Hiệp | BSCKI | Ủy viên | Siêu âm | 006320/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK CĐHA | 0986469340 | |
| 17 | Lê Phạm Quốc Anh | 1977 | NV Khoa CĐHA, TTYT Tân Hiệp | BSCKI | Ủy viên | Siêu âm | 000288/KG-CCHN | CĐHA | 0909341977 | |
| 18 | Nguyễn Thị Bạch Mai | 1984 | Phó TK CĐHA, TTYT Tân Hiệp | Bác sĩ | Ủy viên | Xquang | 004998/KG-CCHN | CĐHA | 0977706664 | |
| 19 | Trần Thế Sơn | 1993 | NV Khoa CĐHA, TTYT Tân Hiệp | Cử nhân CĐHA | Ủy viên | Xquang | 005404/KG-CCHN | CĐHA | 0944399388 | |
| 20 | Nguyễn Quang Tuynh | 1979 | TK KSNK, TTYT Tân Hiệp | Điều dưỡng Đại học | Ủy viên | Đo điện tim | 001584/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0772158791 | |
| 21 | Vũ Thị Ngọc Trâm | 1980 | Phó TP KHNV, TTYT Tân Hiệp | Dược sĩ đại học | Ủy viên | Nhập danh sách | 1476/KG-CCHND | Dược sĩ | 0919773570 | |
| 22 | Nguyễn Thị Kiều Liên | 1983 | NV Khoa Dược, TTYT Tân Hiệp | Dược sĩ đại học | Ủy viên | Nhập danh sách | 549/CCHN-SYT-AG | Dược sĩ | 0392209884 | |
| 23 | Lê Văn Nghiệm | 1967 | Phó TP TCHC, TTYT Tân Hiệp | Cử nhân Đại học | Ủy viên | Công tác hành chính | | | 02978651877 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC KIÊN HẢI

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Cẩn | 1967 | Phó Giám đốc Phụ trách, TTYT Kiên Hải | BSCKI | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận; Siêu âm tổng quát | 0003281/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Ngoại khoa; Siêu âm | 0988331128 | |
| 2 | Trần Đình Linh | 1988 | TP KHNV, TTYT Kiên Hải | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Ngoại khoa; đọc kết quả ECG | 005618/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Truyền nhiễm; đọc ECG | 0906836554 | |
| 3 | Nguyễn Hữu Nhẫn | 1983 | Phó TK ATTP-YTCC và DD, TTYT Kiên Hải | Cử nhân Đại học | UVTT kiêm Thư ký | Tổng hợp hồ sơ báo cáo; kinh phí; vật tư | 004604/KG-CNHN | Điều dưỡng | 0886295667 | |
| 4 | Nguyễn Xuân Thắng | 1990 | TK CC-HSTC&CĐ-PT-GMHS, TTYT Kiên Hải | Đại học Y khoa | Ủy viên | Nội khoa | 004312/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0963860691 | |
| 5 | Nguyễn Trung Tín | 1990 | NV Khoa KB-Nội-Ngoại-Nhi-Truyền nhiễm, TTYT Kiên Hải | BSYK | Ủy viên | Thần kinh | 001511/AG-GPHN | Y khoa | 0973971507 | |
| 6 | Nguyễn Thị Mai | 1982 | NV CC-HSTC&CĐ-PT-GMHS, TTYT Kiên Hải | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo ECG | 0003299/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0344725234 | |
| 7 | Nguyễn Trường Chinh | 1993 | Phó TK XN-CĐHA-KSNK, TTYT Kiên Hải | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 000305/KG-GPHN | Xét nghiệm y học | 0844393906 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Danh Tiền | 1987 | NV Khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Kiên Hải | Cử nhân Cao đẳng điều dưỡng; chứng chỉ chụp X-quang | Ủy viên | Chụp X-quang | 004320/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0947033304 | |
| 9 | Nguyễn Trường Vĩ | 1999 | NV Khoa KB-Nội-Ngoại-Nhi-Truyền nhiễm, TTYT Kiên Hải | BSYK | Ủy viên | Đo thể lực | 002629/AG-GPHN | Y khoa | 0947842483 | |
| 10 | Nguyễn Thị Kim Thùy | 1985 | NV P. TCHC, TTYT Kiên Hải | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo sinh hiệu | 002012/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0989522317 | |
| 11 | Nguyễn Thị Nương | 1985 | NV Khoa KB-Nội-Ngoại-Nhi - Truyền nhiễm, TTYT Kiên Hải | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ đo sinh hiệu | 002480/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0355130658 | |
| 12 | Huỳnh Quốc An | 1987 | NV Khoa LCK Sản-Nhi, Bệnh viện Sản Nhi Kiên Giang | BSCKI | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 000903/KG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0919522747 | |
| 13 | Phạm Lê Trung Kiên | 1995 | NV Khoa Mắt, BVĐK Kiên Giang | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 07457/KG-CCHN | KCB CK Nhãn khoa | 0942997768 | |
| 14 | Vương Quốc Nghi | 1989 | NV Khoa Tai Mũi Họng, BVĐK Kiên Giang | Thạc sĩ Bác sĩ | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 005466/KG-CCHN | KCB CK Tai Mũi Họng | 0919639987 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC PHÚ QUỐC

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Công Lĩnh | 1968 | Giám đốc, TTYT Phú Quốc | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Điều hành và kết luận | 0022916/HCM-CCHN | KCB CK Mắt | 0988881543 | |
| 2 | Huỳnh Tấn Vũ | 1968 | Phó Giám đốc, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000723/KG-CCHN | KCB CK Ngoại | 0918503771 | |
| 3 | Lưu Minh Hà | 1973 | TP KHNV-ĐD-TT&GDSK, TTYT Phú Quốc | BSCKI | UVTT kiêm Thư ký | Kiêm khám Da liễu | 004642/KG-CCHN | KCB CK Da liễu | 0907881696 | |
| 4 | Phan Văn Thuần | 1969 | NV Khoa Cấp cứu, TTYT Phú Quốc | Cao đẳng ĐD | Ủy viên | Đo dấu hiệu sinh tồn | 001168/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0866892578 | |
| 5 | Nguyễn Thị Kiều Trang | 1987 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Phú Quốc | Cử nhân ĐD | Ủy viên | Đo thể lực | 002446/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0939036760 | |
| 6 | Ngô Thị Tuyết Ngọc | 1984 | NV Khoa Nội Tim mạch, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Thần kinh; Đọc kết quả ECG | 007620/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Thần kinh | 0384445652 | |
| 7 | Hồ Văn Thắng | 1982 | Phó TK Cấp cứu, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa, Thần kinh; Đọc kết quả ECG | 005190/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Nội khoa | 0942847896 | |
| 8 | Đoàn Quốc Hoàng | 1997 | NV khoa Nội, TTYT Phú Quốc | BSYK | Ủy viên | Nội khoa; Đọc kết quả ECG | 008559/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0367878222 | |
| 9 | Hà Công Đức | 1992 | NV Khoa Ngoại, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 005964/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Ngoại tổng quát | 0916131920 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Đào Trường Sơn | 1975 | NV Khoa Ngoại, TTYT Phú Quốc | BSĐK | Ủy viên | Ngoại khoa | 003124/KG-CCHN | KCB Ngoại khoa | 0945620235 | |
| 11 | Nguyễn Thăng Long | 1969 | TKTMH-Mắt-RHM, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 000715/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Mắt | 0942606456 | |
| 12 | Trần Ngọc Diễm | 1992 | NV khoa TMH-Mắt-RHM, TTYT Phú Quốc | BSYK | Ủy viên | Mắt | 002636/AG-GPHN | Y khoa | 0375609032 | |
| 13 | Bùi Thị Thùy Trang | 1997 | NV Khoa TMH-Mắt-RHM, TTYT Phú Quốc | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thị lực | 008281/KG-CCHN, | Điều dưỡng | 0326559775 | |
| 14 | Nguyễn Chí Hải | 1978 | NV khoa TMH-Mắt-RHM, TTYT Phú Quốc | BSYK | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 004112/CM-CCHN | KCB CK Tai Mũi Họng | 919700927 | |
| 15 | Trịnh Minh Châu | 1989 | NV Khoa TMH-Mắt-RHM, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 007300/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tai Mũi Họng | 0876790234 | |
| 16 | Hoàng Công Huân | 1992 | NV Khoa TMH-Mắt-RHM, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 007218/KG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0369185869 | |
| 17 | Lim Tuấn Đức | 1967 | Phó TK TMH-Mắt-RHM, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 000717/KG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0989961500 | |
| 18 | Võ Quang Đảm | 1975 | Phó TK Khám bệnh, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Ủy viên | Da liễu | 005864/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Da liễu | 0945188197 | |
| 19 | Nguyễn Tấn Thành | 1986 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Ủy viên | Tâm thần | 001160/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tâm thần | 0915754498 | |
| 20 | Nguyễn Thị Cẩm Linh | 1976 | NV khoa CSSKSS và PS, TTYT Phú Quốc | BSCKI | Ủy viên | Sản phụ khoa | 005103/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Sản phụ khoa | 0939469201 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Trương Hồng Phương | 2001 | NV Khoa XN, TTYT Phú Quốc | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 000622/KG-GPHN | Xét nghiệm y học | 0348693837 | |
| 22 | Lưu Thái Bình | 2002 | NV Khoa XN, TTYT Phú Quốc | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 008486/KG-CCHN | Xét nghiệm y học | 0348949336 | |
| 23 | Trần Văn Giang | Bác sĩ | NV Khoa CĐHA, TTYT Phú Quốc | BSĐK | Ủy viên | Siêu âm, CĐHA | 007843/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0786259666 | |
| 24 | Nguyễn Thị Thiên Hương | 1979 | NV Khoa CĐHA, TTYT Phú Quốc | Cử nhân ĐD | Ủy viên | Hỗ trợ siêu âm | 001174/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0932920003 | |
| 25 | Nguyễn Thị Hương | 1990 | NV Khoa CĐHA, TTYT Phú Quốc | Cử nhân ĐD | Ủy viên | Đo ECG | 002157/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0389911736 | |
| 26 | Lê Thị Kiều Trang | 1996 | NV Khoa CĐHA, TTYT Phú Quốc | Cử nhân ĐD | Ủy viên | Đo ECG | 001175/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0961776079 | |
| 27 | Lê Xuân Thịnh | 1982 | NV Khoa CĐHA, TTYT Phú Quốc | BSĐK | Ủy viên | Đọc kết quả X-quang, CĐHA | 005202/ĐT-CCHN | KCB đa khoa | 0918753174 | |
| 28 | Nguyễn Thanh Sang | 1980 | NV Khoa CĐHA, TTYT Phú Quốc | Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học | Ủy viên | Chụp X-quang, CĐHA | 003112/KG-CCHN | Thực hiện kỹ thuật về hình ảnh y học | 0899687877 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC TRI TÔN

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hà Minh Hiệp | 1965 | Giám đốc, TTYT Tri Tôn | BSCKI | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000760/AG-CCHN | KCB CK Sản; CK Y học gia đình | 0918213447 | |
| 2 | Chau Sơn Khánh | 1978 | Phó Giám đốc, TTYT Tri Tôn | BSCKI | Phó Chủ tịch | Kết luận | 000739/AG-CCHN | KCB CK Nội | 0978033232 | |
| 3 | Lâm Đức Trí | 1973 | TP KHNV-ĐD, TTYT Tri Tôn | BSCKII | UVTT kiêm Thư ký | Nội khoa | 000737/AG-CCHN | KCB CK Nội | 0939404888 | |
| 4 | Trần Văn Doanh | 1983 | Phó TP TCHC, TTYT Tri Tôn | DSCKI | Ủy viên | Thư ký | 0682/AG-CCHND | Dược sĩ | 0989700729 | |
| 5 | Trần Văn Tấn | 1991 | TK Khám bệnh, TTYT Tri Tôn | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa, Thần kinh | 006584/AG-CCHN | KCB CK Nội khoa; Đọc ECG | 0868410014 | |
| 6 | Nguyễn Văn Mal | 1971 | TK Ngoại, TTYT Tri Tôn | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 007587/AG-CCHN | KCB CK Ngoại khoa | 0909186539 | |
| 7 | Chau Ươn | 1973 | NV Khoa Ngoại, TTYT Tri Tôn | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 000041/AG-GPHN | KCB Ngoại khoa; CK GMHS | 0932327737 | |
| 8 | Trần Thanh Phổ | 1982 | TK Mắt-TMH-RHM, TTYT Tri Tôn | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 0005957/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Mắt | 0979660680 | |
| 9 | Lê Thị Cẩm Hồng | 1989 | ĐD Khoa Mắt-TMH-RHM, TTYT Tri Tôn | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Mắt | 001570/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0383933602 | |
| 10 | Lý Ngọc Hạnh | 1975 | NV Khoa Mắt-TMH-RHM, TTYT Tri Tôn | Bác sĩ | Ủy viên | Tai mũi họng | 0004588/AG-CCHN | KCB CK Nội; KCB Tai Mũi Họng | 0775648717 | |
| 11 | Chau Kim An | 1992 | NV Khoa Mắt-TMH-RHM, TTYT Tri Tôn | Bác sĩ | Ủy viên | Răng hàm mặt | 07897/AG-CCHN | KCB Nội khoa; KCB Lao | 0383522682 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Châu Đinh Ti Ya | 1997 | Phó TK CC-HSTC&CĐ, TTYT Tri Tôn | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Tâm thần | 0010419/AG-CCHN | KCB Nội khoa | 0866685254 | |
| 13 | Trần Nguyễn Quang Sơn | 1988 | Phó TK CC-HSTC&CĐ, TTYT Tri Tôn | Bác sĩ | Ủy viên | Da Liễu | 0005956/AG-CCHN | KCB đa khoa; Đọc ECG | 0946403544 | |
| 14 | Trần Thị Cẩm Nhung | 1989 | ĐDT, Khoa XN-CĐHA, TTYT Tri Tôn | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 008782/AG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0813269848 | |
| 15 | Lưu Yến Ngọc | 1992 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Tri Tôn | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 004822/AG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0339990330 | |
| 16 | Nguyễn Huỳnh Anh | 1988 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Tri Tôn | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 009859/AG-GPHN | CK Xét nghiệm | 0333664090 | |
| 17 | Nguyễn Bá Khâm | 1999 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Tri Tôn | Cao đẳng KTXN y học | Ủy viên | Xét nghiệm | 002570/AG-CCHN | Xét nghiệm Y học | 0834682740 | |
| 18 | Hà Văn Hùng | 1969 | TK XN-CĐHA, TTYT Tri Tôn | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 000742/AG-CCHN | KCB thuộc hệ Nội; CK CĐHA | 0703892735 | |
| 19 | Lê Văn Soàn | 1987 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Tri Tôn | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 08026/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK CĐHA | 0973911103 | |
| 20 | Nguyễn Bách Ngọc | 1998 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Tri Tôn | Bác sĩ | Ủy viên | CĐHA | 000747/AG-GPHN | Y khoa; Siêu âm | 0333999984 | |
| 21 | Nguyễn Tấn Lợi | 1984 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Tri Tôn | CN CĐHA | Ủy viên | CĐHA | 008688/AG-CCHN | KTV CĐHA | 0918803586 | |
| 22 | Chau Thônh | 1979 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Tri Tôn | Y sĩ | Ủy viên | CĐHA | 001677/AG-CCHN | Y sĩ; KTV X-Quang | 0949399133 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Keo Viết Chách | 1985 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Tri Tôn | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | CĐHA | 009441/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0939141778 | |
| 24 | Phạm Thị Đào | 1990 | ĐDT Khoa Mắt-TMH-RHM, TTYT Tri Tôn | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ | 003898/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0366351995 | |
| 25 | Chau Ma Ly | 1982 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Tri Tôn | CN. YTCC | Ủy viên | Đếm mạch; Đo huyết áp | | | 0978292198 | |
| 26 | Thanh Sang | 1992 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Tri Tôn | CN. YTCC | Ủy viên | Đếm mạch; Đo huyết áp | | | 0352419790 | |
| 27 | Hoà Si Sa Bone | 1983 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Tri Tôn | Dược sĩ | Ủy viên | Đo thể lực | 002988/CCHN-D-SYT-AG | Dược sĩ | 0329496869 | |
| 28 | Chau Rây | 1990 | NV Phòng TCHC, TTYT Tri Tôn | Dược sĩ | Ủy viên | Đo thể lực | 000511/CCHN-D-SYT-AG | Dược sĩ | 0375603483 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC AN MINH

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Tại | 1972 | Giám đốc, TTYT An Minh | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000497/KG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0989826212 | |
| 2 | Trần Văn Hiền | 1967 | Phó Giám đốc, TTYT An Minh | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000762/KG-CCHN | KCB CK Nhiễm | 0918349251 | |
| 3 | Phan Ánh Nguyệt | 1981 | Phó Điều hành, Phòng KHNV, TTYT An Minh | BSCKI | UVTT kiêm Thư ký | Tổng hợp, Thư ký | 005057/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Nhi | 0918066701 | |
| 4 | Đỗ Thanh Tiếng | 1971 | TK CC-HSTC và CĐ, TTYT An Minh | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa | 000488/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK HSCC | 0919138748 | |
| 5 | Đỗ Minh Kha | 1985 | Phó Trưởng Điều hành, Khoa Ngoại-PT-GMHS, TTYT An Minh | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 005055/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Ngoại | 0949882049 | |
| 6 | Trần Thị Tuyết Nhung | 1984 | NV Khoa RHM-M-TMH, TTYT An Minh | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 005058/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Mắt | 0977592977 | |
| 7 | Huỳnh Văn Phường | 1984 | TK RHM-M-TMH, TTYT An Minh | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 004380/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tai Mũi Họng | 0987056186 | |
| 8 | Trịnh Xuân Hiếu | 1987 | Phó TK RHM-M-TMH, TTYT An Minh | BSCKI | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 0008664/ĐNAI-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0917442535 | |
| 9 | Nguyễn Thùy Dương | 1982 | NV, Khoa KSBT-HIV/AIDS, TV&ĐTNC, TTYT An Minh | BSCKI | Ủy viên | Da liễu | 005064/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Da liễu | 0919829679 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Trần Quốc Quy | 1982 | Phó Trưởng Điều hành, Khoa KSBT-HIV/AIDS, TV&ĐTNC, TTYT An Minh | BSCKI | Ủy viên | Thần kinh; Tâm thần | 002429/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Tâm thần | 0919390119 | |
| 11 | Phạm Viết Thế | 1983 | TK XN, TTYT An Minh | Cử Nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 001448/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0943758775 | |
| 12 | Tô Minh Xuyên | 1984 | TK CĐHA, TTYT An Minh | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 004397/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK CĐHA | 0979739246 | |
| 13 | Trương Văn Có | 1983 | NV Khoa RHM-M-TMH, TTYT An Minh | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 001460/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0949049131 | |
| 14 | Đào Bích Duyên | 1987 | NV Khoa YTCC, ATTP và Dinh Dưỡng, TTYT An Minh | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Phụ khám Mắt | 001463/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0919029807 | |
| 15 | Trương Thị Diễm | 1986 | NV Phòng Điều dưỡng, TTYT An Minh | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 004369/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0395794579 | |
| 16 | Phạm Văn Linh | 1998 | NV Khoa XN, TTYT An Minh | Cử Nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 007266/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0834058720 | |
| 17 | Nguyễn Thị Bé Tư | 1988 | NV Khoa XN, TTYT An Minh | Cử Nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 001785/AG-GPHN | Xét nghiệm y học | 0987185655 | |
| 18 | Lê Thị Trang Nhã | 1993 | NV CĐHA, TTYT An Minh | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 006996/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK CĐHA | 0371593559 | |
| 19 | Nguyễn Văn Thà | 1986 | NV CĐHA, TTYT An Minh | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | CĐHA | 002001/AG-GPHN | Hình ảnh y học | 0989266884 | |
| 20 | Trương Việt Hào | 2002 | NV CĐHA, TTYT An Minh | Cử nhân CĐHA | Ủy viên | CĐHA | 000770/KG-GPHN | Hình ảnh y học | 0916410115 | |
| 21 | Trần Thị Cẩm Tú | 1994 | NV CĐHA, TTYT An Minh | Cử nhân CĐHA | Ủy viên | CĐHA | 001993/KG-GPHN | Hình ảnh y học | 0939951204 | |
| 22 | Nguyễn Trí Nhớ | 1991 | Phó TK CC-HSTC và CĐ, TTYT An Minh | BSĐK | Ủy viên | Đọc kết quả ECG | 006471/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0844782733 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Phạm Ra Xil | | NV Phòng KHNV, TTYT An Minh | Kỹ sư CNTT | Ủy viên | Nhập dữ liệu phần mềm | | | 0387975011 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC HÀ TIÊN

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Hiếu Nghĩa | 1977 | Giám đốc, TTYT Hà Tiên | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Điều hành và kết luận | 000171/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Ngoại khoa | 0919633922 | |
| 2 | Trương Thị Kim Nga | 1974 | Phó Giám đốc, TTYT Hà Tiên | BSCKII | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 002082/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK HSCC | 0919635329 | |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh Hoài | 1993 | NV Phòng KH-NV, TTYT Hà Tiên | Y sĩ | UVTT kiêm Thư ký | Xây dựng kế hoạch; Báo cáo | 004215/KG-CCHN | Y sĩ | 0376249926 | |
| 4 | Đinh Văn Vượng | 1966 | TK Truyền nhiễm, TTYT Hà Tiên | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa | 000727/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0918615111 | |
| 5 | Lê Thành An | 1975 | TK Ngoại-PT-GMHS&KSNK, TTYT Hà Tiên | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 000730/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Ngoại khoa; CĐHA | 0918812802 | |
| 6 | Trần Trọng Thư | 1974 | NV Khoa RHM-Mắt-TMH, TTYT Hà Tiên | Bác sĩ | Ủy viên | Mắt | 002540/HAUG-CCHN | KCB đa khoa; CK Nhãn khoa | 0919101799 | |
| 7 | Trần Diễm Hồng | 1994 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Hà Tiên | Bác sĩ | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 000518/KG-GPHH | Y khoa; CK Tai Mũi Họng | 0984645634 | |
| 8 | Danh Hải | 1991 | NV Khoa RHM-Mắt-TMH, TTYT Hà Tiên | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 006035/KG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0965595113 | |
| 9 | Trần Văn Hiếu | 1970 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Hà Tiên | BSCKII | Ủy viên | Da liễu | 000976/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Da liễu | 0949535292 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Từ Mỹ Tiên | 1980 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Hà Tiên | Bác sĩ | Ủy viên | Thần kinh; Tâm thần | 005003/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tâm thần | 0946162889 | |
| 11 | Nguyễn Thảo Vân | 1995 | NV Phòng KHNV, TTYT Hà Tiên | Y sĩ | Ủy viên | Đo thể lực | 006021/KG-CCHN | Y sĩ | 0981333317 | |
| 12 | Đinh Thị Bạch Lan | 1978 | ĐDT Khoa DS&PT-CSSKSS-PS, TTYT Hà Tiên | Cử nhân Điều dưỡng Phụ sản | Ủy viên | Đếm mạch; Đo huyết áp | 002088/KG-CCHN | Điều dưỡng Phụ sản | 0858281119 | |
| 13 | Mai Thị Mừng | 1992 | NV Khoa RHM-Mắt-TMH, TTYT Hà Tiên | Y sĩ | Ủy viên | Đo thị lực | 004223/KG-CCHN | Y sĩ | 0949008123 | |
| 14 | Nguyễn Thị Mai | 1983 | TK XN&CĐHA, TTYT Hà Tiên | BSCKI | Ủy viên | Siêu âm | 005124/KG-CCHN | KCB đa khoa; Siêu âm tổng quát | 0913114937 | |
| 15 | Lê Thị Diệp | 1989 | ĐDT Khoa XN&CĐHA, TTYT Hà Tiên | CKI Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 002120/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0977764883 | |
| 16 | Tô Vĩnh Phát | 1991 | NV Khoa XN&CĐHA, TTYT Hà Tiên | Bác sĩ | Ủy viên | Đọc kết quả X-Quang | 007635/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0946376903 | |
| 17 | Dương Văn Hữu | 1982 | NV Khoa XN&CĐHA, TTYT Hà Tiên | Cử nhân X-quang | Ủy viên | Chụp X-quang | 002128/KG-CCHN | Thực hiện kỹ thuật về hình ảnh Y học. | 0986767680 | |
| 18 | Trương Thị Sặch | 1989 | NV Khoa XN&CĐHA, TTYT Hà Tiên | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Hỗ trợ siêu âm | 004198/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0364619699 | |
| 19 | Nguyễn Thu Thúy | 1981 | Phó TK Nội tổng hợp, TTYT Hà Tiên | BSCKI | Ủy viên | Đọc kết quả ECG | 004218/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Nội khoa | 0939210202 | |
| 20 | Thị Thu Liên | 1985 | NV Khoa DS&PT- | Cử nhân Điều dưỡng Phụ sản | Ủy viên | Đo ECG | 006357/KG-CCHN | Điều dưỡng Phụ sản | 0919721611 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | CSSKSS-PS, TTYT Hà Tiên | | | | | | | |
| 21 | Nguyễn Thị Thanh Trúc | 1997 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Hà Tiên | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ | 007550/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0911963911 | |
| 22 | Cao Xuân Trang | 1984 | NV Phòng TCKT, TTYT Hà Tiên | Đại học Kế toán | Ủy viên | Phụ trách kế toán | | Kế toán | 0795898345 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC AN PHÚ

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Ngọc Diệp | 1976 | Phó Giám đốc phụ trách, TTYT An Phú | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 001539/AG-CCHN | KCB CK Sản Phụ khoa-KHHGĐ; CĐHA (Siêu âm) | 0947755747 | |
| 2 | Nguyễn Hùng Dũng | 1968 | Phó Giám đốc, TTYT An Phú | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 001531/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0918619890 | |
| 3 | Đỗ Hoàng An | 1980 | Phó TP Điều dưỡng, TTYT An Phú | Thạc sĩ Điều dưỡng | UVTT kiêm Thư ký | Tổng hợp, báo cáo | 002643/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0943366611 | |
| 4 | Nguyễn Minh Nghĩa | 1977 | TP KHNV, TTYT An Phú | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa | 003859/AG-CCHN | KCB hệ Nội; CĐHA; CK Tai Mũi Họng | 0918502492 | |
| 5 | Nguyễn Văn Dũng | 1967 | NV Khoa khám bệnh, TTYT An Phú | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa | 0005801/AG-CCHN | KCB đa khoa | 0838116363 | |
| 6 | Lê Thanh Hón | 1976 | TK Ngoại, TTYT An Phú | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 001537/AG-CCHN | KCB CK Ngoại khoa | 0949477674 | |
| 7 | Trần Quốc Phong | 1985 | Phó TK Mắt-RHM-TMH, TTYT An Phú | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 007098/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Mắt | 0919833356 | |
| 8 | Nguyễn Kim Ngọc | 1986 | NV Khoa Mắt-RHM-TMH, TTYT An Phú | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 008499/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Mắt | 0912028809 | |
| 9 | Lê Ngô Khôi Nguyên | 1999 | NV Khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Đa khoa Châu Đốc | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 002388/AG-CCHN | KCB Răng Hàm Mặt | 0975698126 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Dương Văn Quyền | 1980 | NV Khoa khám bệnh, TTYT An Phú | BSCKI | Ủy viên | Da liễu | 07779/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Da liễu | 0919567824 | |
| 11 | Nguyễn Văn Tùng | 1973 | NV Khoa Nội, TTYT An Phú | BSCKI | Ủy viên | Thần kinh; Tâm thần | 001530/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0918317235 | |
| 12 | Lê Thị Thúy | 1972 | NV Khoa CSSKSS, TTYT An Phú | BSCKI | Ủy viên | Sản khoa | 007064/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Sản phụ khoa | 0816686012 | |
| 13 | Dương Quốc Tuân | 1984 | Phó TK XN-KSNK, TTYT An Phú | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 002010/AG-CCHN | Xét nghiệm | 0915777272 | |
| 14 | Lê Thị Kiều Loan | 1985 | KTV trưởng, Khoa XN-KSNK, TTYT An Phú | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 008621/AG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0367672767 | |
| 15 | Nguyễn Văn Kỳ | 1988 | Phó TK CĐHA, TTYT An Phú | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 0005656/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK CĐHA | 0916021908 | |
| 16 | Nguyễn Thị Loan | 1982 | KTV trưởng, Khoa CĐHA, TTYT An Phú | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | CĐHA | 002583/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0987499022 | |
| 17 | Nguyễn Văn Quyền | 1984 | NV Khoa khám bệnh, TTYT An Phú | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 002689/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0919164197 | |
| 18 | Lê Ái Quốc | 1993 | NV Phòng TCHC, TTYT An Phú | Y sĩ đa khoa | Ủy viên | Đo thể lực | 008460/AG-CCHN | Y sĩ | 0965534460 | |
| 19 | Trần Thị Thùy Trang | 1977 | NV Phòng Điều dưỡng, TTYT An Phú | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp; ECG | 002688/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0837979119 | |
| 20 | Huỳnh Thị Loan | 1980 | NV Phòng Điều dưỡng, TTYT An Phú | Cử nhân Hộ sinh | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp; ECG | 003031/AG-CCHN | Hộ sinh | 0914190810 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Lê Thị Kim Qui | 1985 | NV Khoa khám bệnh, TTYT An Phú | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Phụ khám Mắt | 002746/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0834449823 | |
| 22 | Huỳnh Minh Mẫn | 1984 | NV Phòng KHNV, TTYT An Phú | Thạc sĩ Quản lý y tế | Ủy viên | Nhập chỉ định cận lâm sàng | 0005590/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0975844717 | |
| 23 | Đặng Thị Kim Hương | 1986 | NV Phòng KHNV, TTYT An Phú | Cử nhân CNTT | Ủy viên | Nhập liệu | | | 0919880638 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC CHỢ MỚI

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Quốc Phú | 1973 | Giám đốc, TTYT Chợ Mới | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 001253/AG-CCHN | KCB CK Phụ Sản -KHHGĐ | 0902552500 | |
| 2 | Võ Minh Tánh | 1968 | Phó Giám đốc, TTYT Chợ Mới | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000810/AG-CCHN | KCB CK Nhi | 0919191776 | |
| 3 | Nguyễn Văn Dậu | 1968 | TP KHNV-ĐD, TTYT Chợ Mới | BSCKI | UVTT kiêm Thư ký | Thư ký | 000815/AG-CCHN | KCB CK Nội – Nhi; CĐHA (Siêu âm); Khám lao | 0943773333 | |
| 4 | Nguyễn Văn Phúc | 1969 | TK Nội, TTYT Chợ Mới | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Thần Kinh; Tâm Thần | 000811/AG-CCHN | KCB CK Nội khoa, Nhi; CĐHA (Siêu âm) | 0918118808 | |
| 5 | Mai Thanh Bình | 1978 | TK CC-HSTC&CĐ, TTYT Chợ Mới | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Thần Kinh; Tâm Thần | 000340/AG-CCHN | KCB CK thuộc hệ Nội; CĐHA (Siêu âm) | 0848466624 | |
| 6 | Phạm Phước Hải | 1971 | TK Ngoại-P - GMHS, TTYT Chợ Mới | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa; Da liễu | 001623/AG-CCHN | KCB CK Ngoại; KCB Sản Phụ khoa; Siêu âm | 0973934973 | |
| 7 | Nguyễn Văn Tiến | 1972 | Phó PKĐKKV Mỹ Luông | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa; Da liễu | 001241/AG-CCHN | KCB CK hệ Ngoại | 0837999285 | |
| 8 | Nguyễn Thị Phú Quý | 1973 | NV Khoa Sản, TTYT Chợ Mới | BSCKI | Ủy viên | Sản khoa | 0005477/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Sản phụ khoa; Siêu âm | 0919997128 | |
| 9 | Nguyễn Thị Phúc Loan | 1980 | NV Khoa LCK, TTYT Chợ Mới | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 000806/AG-CCHN | KCB CK Nội - Nhi; CK Mắt | 0938224994 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Nguyễn Chánh Thành | 1973 | TK Khám bệnh, TTYT Chợ Mới | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 000812/AG-CCHN | KCB CK Nội – Nhi; CK Tai Mũi Họng | 0982299272 | |
| 11 | Võ Hoàng Nguyên Khang | 1996 | NV Khoa LCK, TTYT Chợ Mới | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 009792/AG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0975498041 | |
| 12 | Đinh Trung Tính | 1986 | NV Khoa LCK, TTYT Chợ Mới | Y sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 0005100/AG-CCHN | KCB Nha khoa | 0966757557 | |
| 13 | Đào Thuỳ Tâm Huỳnh | 1972 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Chợ Mới | BSCKI | Ủy viên | Da liễu | 001243/AG-CCHN | KCB CK Da liễu | 0914057960 | |
| 14 | Mai Thị Ngọc Lang | 1979 | TK XN - CĐHA, TTYT Chợ Mới | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 001825/AG-CCHN | Xét nghiệm | 0368504442 | |
| 15 | Trần Đông Á | 1990 | NV PKĐKKV Mỹ Luông | KTV | Ủy viên | Xét nghiệm | 004815/AG-CCHN | Xét nghiệm | 0938689070 | |
| 16 | Phạm Thị Hoa Vi | 1990 | NV PKĐKKV Mỹ Luông | KTV | Ủy viên | Xét nghiệm | 009259/AG-CCHN | Xét nghiệm | 0374616898 | |
| 17 | Nguyễn Văn Ghi | 1978 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Chợ Mới | Bác sĩ | Ủy viên | CĐHA | 0004776/AG-CCHN | KCB YHCT; CĐHA | 0918006716 | |
| 18 | Phạm Việt Hùng | 1980 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Chợ Mới | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | CĐHA | 001846/AG-CCHN | Điều dưỡng; sơ bộ CĐHA | 0702837115 | |
| 19 | Nguyễn Thanh Vũ | 1967 | NV Khoa Ngoại, TTYT Chợ Mới | Y sĩ | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp; ECG | 0826/AG-CCHN | KCB đa khoa | 0918685000 | |
| 20 | Huỳnh Quang Minh | 1969 | NV Khoa YHCT và PHCN, TTYT Chợ Mới | Y sĩ | Ủy viên | Đo thể lực; ECG | 1281/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0918685867 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Huỳnh Thanh Vũ | 1979 | NV Khoa CC-HSTC&CĐ, TTYT Chợ Mới | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực; ECG | 005298/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0338488628 | |
| 22 | Huỳnh Văn Ngọc Viễn | 1978 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Chợ Mới | Kỹ Sư CNTT | Ủy viên | Tổng hợp | | CNTT | 0919460665 | |
| 23 | Nguyễn Tấn Toàn | 1981 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Chợ Mới | Cử nhân CNTT | Ủy viên | Tổng hợp | | CNTT | 0986915974 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC U MINH THƯỢNG

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đỗ Văn Dũng | 1967 | Giám đốc, TTYT U Minh Thượng | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000231/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0918361181 | |
| 2 | Nguyễn Long Hải | 1973 | Phó Giám đốc, TTYT U Minh Thượng | BSCKII | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận; Nội khoa, Tâm thần, thần kinh | 000919/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0974724635 | |
| 3 | Nguyễn Văn Nhớ | 1990 | Phó TP KHNV, TTYT U Minh Thượng | Thạc sĩ ĐD | UVTT kiêm Thư ký | | 006388/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0949583017 | |
| 4 | Hồ Văn Tứng | 1983 | Phó TK Ngoại-PT-GMHS-CSSKSS & PS, TTYT U Minh Thượng | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 7603/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Ngoại khoa | 0332720226 | |
| 5 | Châu Thành Đô | 1988 | Phó TK M-TMH-RHM, TTYT U Minh Thượng | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 03324/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tai Mũi Họng | 0854450115 | |
| 6 | Danh Phúc | 1973 | NV TYT xã Vĩnh Hòa | BSĐK | Ủy viên | Da liễu | 00721/KG-CCHN | KCB đa khoa; sơ bộ Da liễu | 0985825221 | |
| 7 | Lê Minh Tấn | 1991 | NV Khoa M-TMH-RHM, TTYT U Minh Thượng | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 1005210/KG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0917145680 | |
| 8 | Nguyễn Thị Mộng Cầm | 1992 | NV khoa Mắt, TTYT Vĩnh Thuận | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 003351/KG-CCHN | KCB đa khoa | | |
| 9 | Văn Hoàng Em | 1984 | NV Khoa XN & CĐHA, TTYT U Minh Thượng | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | CĐHA (X-quang) | 0003300/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0838355677 | |
| 10 | Nguyễn Văn Thắng | 1986 | NV Khoa XN & CĐHA, TTYT U Minh Thượng | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | CĐHA (X-quang) | 0003306/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0944177679 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Huỳnh Hiếu Nghĩa | 1981 | TK XN & CĐHA, TTYT U Minh Thượng | BSĐK | Ủy viên | CĐHA (Siêu âm) | 004120/KG-CCHN | KCB đa khoa; Siêu âm | 0949954225 | |
| 12 | Trương Thị Trúc Ly | 1980 | NV khoa XN & CĐHA | BSĐK | Ủy viên | CĐHA (Siêu âm) | 006661/KG-CCHN | KCB đa khoa; Siêu âm | 0847675955 | |
| 13 | Nguyễn Thị Cẩm Nhiên | 1986 | NV Khoa XN & CĐHA, TTYT U Minh Thượng | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 007891/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0949740743 | |
| 14 | Phạm Hoài Thương | 1986 | NV khoa XN & CĐHA, TTYT U Minh Thượng | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 003318/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0772449998 | |
| 15 | Hồ Thị Tú Em | 1986 | NV khoa XN & CĐHA, TTYT U Minh Thượng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Điện tim | 000288/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0949497975 | |
| 16 | Nguyễn Ngọc Não | 1969 | NV Khoa XN & CĐHA, TTYT U Minh Thượng | Y sĩ | Ủy viên | Phụ siêu âm | | Y sĩ | 0911981936 | |
| 17 | Đặng Kiều Trang | 1990 | Phó TK KSNK & DD, TTYT U Minh Thượng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 003302/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0945440844 | |
| 18 | Hồ Thị Quỳnh Như | 1990 | NV Khoa M-TMH-RHM, TTYT U Minh Thượng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ khám Mắt | 008496/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0912422251 | |
| 19 | Lưu Văn Thành | 1992 | ĐDT Khoa CC-HSTC&CĐ, TTYT U Minh Thượng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 006118/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0342806173 | |
| 20 | Nguyễn Pha Lil | 1992 | NV Phòng KHNV, TTYT U Minh Thượng | Dược sĩ Đại học | Ủy viên | Đo thể lực | 1502/KG-CCHN | Dược sĩ | 0986848614 | |
| 21 | Lâm Thị Kết | 1985 | NV Khoa khám bệnh, TTYT U Minh Thượng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Nhập chỉ định cận lâm sàng | 003315/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0368061163 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Nguyễn Thị Cua | 1991 | ĐDT Khoa Nội-Nhi-Truyền nhiễm, TTYT U Minh Thượng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Nhập chỉ định cận lâm sàng | 004652/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0947255991 | |
| 23 | Đỗ Ngọc Trúc | 1983 | NV Phòng KHNV, TTYT U Minh Thượng | Kỹ sư CNTT | Ủy viên | Tổng hợp và hỗ trợ về phần mềm | | | 0852468772 | |
| 24 | Nguyễn Văn Lil | 1997 | NV Phòng KHNV, TTYT U Minh Thượng | KTV CNTT | Ủy viên | Tổng hợp và hỗ trợ về phần mềm | | | 0857545464 | |
| 25 | Trần Bá Lương | 1987 | NV Phòng TCKT, TTYT U Minh Thượng | Đại học Kế toán | Ủy viên | Kế toán | | | 0947112822 | |
| 26 | Đoàn Mỹ Nương | 1987 | NV Phòng TCKT, TTYT U Minh Thượng | Đại học Kế toán | Ủy viên | Kế toán | | | 0912362062 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC RẠCH GIÁ

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Huỳnh Trọng Tâm | 1976 | Giám đốc, TTYT Rạch Giá | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000033/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0913864447 | |
| 2 | Lưu Thị Quỳnh Nga | 1982 | Phó Giám đốc, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 004439/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0985871236 | |
| 3 | Nguyễn Thị Mỹ Lệ | 1981 | TP KHNV, TTYT Rạch Giá | Thạc sĩ Quản lý y tế | UVTT kiêm Thư ký | Thư ký | | | 0989998890 | |
| 4 | Phạm Huy Trọng | 1992 | NV Phòng KHNV, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Ủy viên | Tổng hợp; Báo cáo | 0000055/KG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0939621681 | |
| 5 | Phạm Chí Nguyện | 1990 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Rạch Giá | Bác sĩ | Ủy viên | Nội khoa | 001875/KG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0944079898 | |
| 6 | Võ Bá Tòng | 1983 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa | 005151/KG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0939173034 | |
| 7 | Sơn Mỹ Lệ | 1994 | NV Khoa YHCT và PHCN, TTYT Rạch Giá | Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 04791/ST-CCHN | Điều dưỡng | 0342610957 | |
| 8 | Trần Thị Như Nguyệt | 1981 | NV Khoa Nội - Nhi - Truyền Nhiễm, TTYT Rạch Giá | Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 001112/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0917922529 | |
| 9 | Danh Trần Anh Thư | 1993 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Ủy viên | Tâm thần; Thần kinh | 007715/KG-CCHN | KCB CK Tâm thần | 0904314768 | |
| 10 | Nguyễn Vũ Thanh Huy | 1963 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 005612/KG-CCHN | KCB CK Ngoại khoa | 0918970704 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Quách Thanh Sang | 1981 | NV Khoa RHM-Mắt-TMH, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 003155/KG-CCHN | KCB Nhãn khoa | 0822222568 | |
| 12 | Trần Thị Mỹ Tiên | 2003 | NV Khoa RHM-Mắt-TMH, TTYT Rạch Giá | Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ khám Mắt | 001265/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0943628151 | |
| 13 | Lưu Đông Sa | 1987 | Phó TK RHM-Mắt-TMH, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 006055/KG-CCHN | KCB CK Răng hàm mặt | 0909831289 | |
| 14 | Phan Hoàng Bảo Ngọc | 1996 | KTV trưởng, Khoa XN-CĐHA, TTYT Rạch Giá | Cử nhân xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 006704/KG-CCHN | Xét nghiệm | 0384692722 | |
| 15 | Đỗ Thị Hồng Cẩm | 1992 | NV Khoa XN-XĐHA, TTYT Rạch Giá | Cử nhân xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 000073/KG-GPHN | Xét nghiệm | 0919461870 | |
| 16 | Nguyễn Thị Mộng | 1979 | Phó TK XN-CĐHA, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Ủy viên | Đọc kết quả X-quang | 005814/KG-CCHN | KCB CK CĐHA | 0918082408 | |
| 17 | Bùi Tấn Đạt | 1986 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Rạch Giá | Y sĩ | Ủy viên | Chụp X-quang | 006062/KG-CCHN | CĐHA | 0938162852 | |
| 18 | Lưu Thị Thủy Tiên | 1982 | NV Khoa YHCT - PHCN, TTYT Rạch Giá | Bác sĩ | Ủy viên | Siêu âm | 0003230/KG-CCHN | Siêu âm tổng quát | 0939913598 | |
| 19 | Lê Thị Mỹ Nhân | 2001 | NV Khoa YHCT - PHCN, TTYT Rạch Giá | Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ siêu âm | 000508/KG-GPHN | Điều dưỡng | 0942393673 | |
| 20 | Trịnh Ngọc Hạnh | 1983 | TK Nội - Nhi - Truyền nhiễm, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Ủy viên | Đọc kết quả ECG | 002800/KG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0974499964 | |
| 21 | Hà Duy Mạnh | 1999 | NV Khoa CC-HSTC&CĐ, TTYT Rạch Giá | Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ đo ECG | 002408/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0783995369 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Nguyễn Thanh Toàn | 1990 | NV Khoa RHM - Mắt - TMH, TTYT Rạch Giá | Bác sĩ | Ủy viên | Tai mũi họng | 000346/KG-GPHN | KCB Tai mũi họng | 0914643564 | |
| 23 | Nguyễn Phú Quới | 1971 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Ủy viên | Da liễu | 000020/KG-CCHN | KCB CK Da liễu | 0988943708 | |
| 24 | Danh Thị Mai Ly | 1984 | TK CSSKSS và PS - Dân số và Phát triển, TTYT Rạch Giá | BSCKI | Ủy viên | Sản khoa | 005952/KG-CCHN | KCB CK Sản phụ khoa | 0947484974 | |
| 25 | Nguyễn Thành Đạt | 1999 | NV Khoa YTCC, TTYT Rạch Giá | Cử nhân YTCC | Ủy viên | Đo thể lực | | | 0943336475 | |
| 26 | Lê Huỳnh Đức | 1998 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Rạch Giá | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | | Điều dưỡng | 0942426253 | |
| 27 | Hà Vũ Tòng | 1987 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Rạch Giá | Cử nhân YTCC | Ủy viên | Nhập danh sách KSK | | | 0919900180 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC GIỒNG RIỀNG

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Huỳnh Minh Giàu | 1982 | Giám đốc, TTYT Giồng Riềng | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 002471/KG-CCHN | KCB Nội khoa và GMHS | 0916716115 | |
| 2 | Hà Quốc Việt | 1979 | Phó Giám đốc, TTYT Giồng Riềng | BSCKII | Phó chủ tịch thường trực Hội đồng | Kết luận | 001333/KG-CCHN | KCB Nội khoa, Nhi khoa | 0918591060 | |
| 3 | Nguyễn Thanh Sang | 1978 | Phó Giám đốc, TTYT Giồng Riềng | BSCKI | Phó chủ tịch Hội đồng | Nội khoa; Thần kinh | 001663/KG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0918666297 | |
| 4 | Trần Vũ Phương | 1988 | NV Phòng KHNV, TTYT Giồng Riềng | Cử nhân CNTT | UVTT kiêm thư ký | Tổng hợp, báo cáo, kinh phí, vật tư | | | 0949616076 | |
| 5 | Trần Thanh Tuấn | 1987 | NV Phòng KHNV, TTYT Giồng Riềng | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa, Thần kinh | 001744/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0944414115 | |
| 6 | Trương Cao Thông | 1982 | TK Ngoại, TTYT Giồng Riềng | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 001711/KG-CCHN | KCB CK Ngoại khoa | 0919505010 | |
| 7 | Danh Tửng | 1965 | TK Mắt, TTYT Giồng Riềng | BSCKII | Ủy viên | Mắt | 001704/KG-CCHN | KCB CK Mắt | 0914933799 | |
| 8 | Lê Thị Bé Tưởng | 1985 | NV Khoa Mắt, TTYT Giồng Riềng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thị lực | 000193/KG-GPHN | Điều dưỡng | 0398268605 | |
| 9 | Huỳnh Quốc Duy | 1993 | NV Khoa Tai Mũi Họng, TTYT Giồng Riềng | Bác sĩ | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 008284/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0335477742 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Nguyễn Thị Đẹp | 1991 | NV Khoa Tai Mũi Họng, TTYT Giồng Riềng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ | 004719/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0379002199 | |
| 11 | Hình Cẩu | 1979 | Phụ trách khoa Răng Hàm Mặt, TTYT Giồng Riềng | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 000180/KG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0918833083 | |
| 12 | Nguyễn Tuyên | 1977 | TK Khám bệnh, TTYT Giồng Riềng | BSCKII | Ủy viên | Da liễu | 001714/KG-CCHN | KCB Nội khoa; KCB CK Da liễu | 0917868393 | |
| 13 | Danh Thanh Sự | 1994 | NV Khoa KSBT&HIV/AIDS, TTYT Giồng Riềng | Bác sĩ | Ủy viên | Tâm thần | 007703/KG-CCHN | Bác sĩ YHDP; CK Tâm thần | 0911726761 | |
| 14 | Nguyễn Thị Ngọc Trinh | 1975 | TK CSSKSS&PS, TTYT Giồng Riềng | BSCKI | Ủy viên | Sản phụ khoa | 005138/KG-CCHN | KCB CK Sản phụ khoa | 0916919459 | |
| 15 | Huỳnh Tấn Phong | 1988 | TP ĐD-TT&GDSK, TTYT Giồng Riềng | Thạc sĩ Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 001748/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0374641034 | |
| 16 | Nguyễn Hoài Nhân | 1992 | NV Phòng ĐD-TT&GDSK, TTYT Giồng Riềng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch; Đo huyết áp | 000330/KG-GPHN | Điều dưỡng | 0941323828 | |
| 17 | La Quốc Trầm | 1970 | TK Xét nghiệm, TTYT Giồng Riềng | CN Xét nghiệm | Ủy viên | Trả kết quả xét nghiệm | 001856/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0945811585 | |
| 18 | Lữ Huỳnh Kiều Trang | 1990 | KTV trưởng, Khoa Xét nghiệm, TTYT Giồng Riềng | CN Xét nghiệm | Ủy viên | Lấy mẫu xét nghiệm | 007528/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0916336858 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Khưu Thanh Thảo Ly | 1988 | NV Khoa Xét nghiệm, TTYT Giồng Riềng | CN Xét nghiệm | Ủy viên | Lấy mẫu xét nghiệm | 004963/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0947122633 | |
| 20 | Hoàng Thị Kim Hoàng | 1987 | NV Khoa Xét nghiệm, TTYT Giồng Riềng | CN Xét nghiệm | Ủy viên | Lấy mẫu xét nghiệm | 001858/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0836177355 | |
| 21 | Nguyễn Văn Minh Thái | 1979 | TK CĐHA, TTYT Giồng Riềng | BSCKI | Ủy viên | CĐHA (Đọc kết quả X-quang, điện tim) | 002473/KG-CCHN | KCB Nội khoa và CĐHA | 0942114955 | |
| 22 | Trương Văn Chiêu | 1968 | KTV trưởng, Khoa CĐHA, TTYT Giồng Riềng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | CĐHA (Chụp X-quang) | 001863/KG-CCHN | Thực hiện kỹ thuật về hình ảnh Y học | 0919772668 | |
| 23 | Khưu Lê Thùy Linh | 1995 | NV Khoa CĐHA, TTYT Giồng Riềng | Bác sĩ | Ủy viên | CĐHA (Siêu âm tổng quát) | 006011/KG-CCHN | KCB CK Phụ sản | 0919629088 | |
| 24 | Lê Thị Lượm | 1988 | NV Khoa CĐHA, TTYT Giồng Riềng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | CĐHA (Phụ siêu âm) | 000831/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0392377512 | |
| 25 | Danh Thị Bích | 1984 | NV Khoa CĐHA, TTYT Giồng Riềng | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | CĐHA (Đo ECG) | 001606/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0703551274 | |
| 26 | Trần Trung Nhân | 1992 | NV Phòng KHNV, TTYT Giồng Riềng | Dược sĩ | Ủy viên | Hỗ trợ | | Dược sĩ | 0949837677 | |
| 27 | Lê Thị Ngọc Hằng | 1988 | NV Phòng TCKT, TTYT Giồng Riềng | Cử nhân Kế toán | Ủy viên | Thanh toán | | Kế toán | 0945419420 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC VĨNH THUẬN

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hà Văn Nhân | 1972 | Giám đốc, TTYT Vĩnh Thuận | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000230/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Tai Mũi Họng | 0918496147 | |
| 2 | Trần Minh Phát | 1976 | Phó Giám đốc, TTYT Vĩnh Thuận | BSCKII | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000228/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0988993390 | |
| 3 | Nguyễn Văn On | 1985 | TP KHNV, TTYT Vĩnh Thuận | DSCKI | UVTT kiêm Thư ký | | | Dược sĩ | 0918485162 | |
| 4 | Châu Thị Mọng Lài | 1992 | NV Phòng KHNV, TTYT Vĩnh Thuận | BSCKI | Ủy viên | | 003363/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0395711663 | |
| 5 | Nguyễn Văn Hùng | 1969 | TK Nội, TTYT Vĩnh Thuận | BSCKII | Ủy viên | Nội, thần kinh | 000222/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0917131673 | |
| 6 | Nguyễn Văn Vương | 1966 | Phó TK Ngoại, TTYT Vĩnh Thuận, | Bác sĩ | Ủy viên | Ngoại | 001949/KG-CCHN | KCB CK Ngoại - Chấn thương chỉnh hình | 0919115907 | |
| 7 | Phan Mộc Trân | 1994 | Phó TK Mắt, TTYT Vĩnh Thuận | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 007076/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Nhãn khoa | 0373879328 | |
| 8 | Trương Thị Mỹ Ái | 1980 | ĐDT Khoa Mắt, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Mắt | 002005/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0974971077 | |
| 9 | Trần Thành Được | 1976 | TK Tai Mũi Họng, | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 001965/KG-CCHN | KCB CK Tai Mũi Họng | 0918530110 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TTYT Vĩnh Thuận | | | | | | | |
| 10 | Phạm Thị Diệu Hiền | 1988 | NV Khoa Răng Hàm Mặt, TTYT Vĩnh Thuận | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 005691/KG-CCHN | KCB Răng Hàm Mặt | 0916079203 | |
| 11 | Phan Thị Thanh Thùy | 1983 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Vĩnh Thuận | BSCKI | Ủy viên | Da liễu | 006623/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0834352020 | |
| 12 | Nguyễn Nhựt Tâm | 1991 | NV Trạm Y tế Vĩnh Phong | BSCKI | Ủy viên | Tâm thần | 0003992/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0944656255 | |
| 13 | Danh Thị Keo Chành Đa | 1991 | NV Phòng KHNV, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 008448/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0819037961 | |
| 14 | Nguyễn Thanh Ni | 1989 | Khoa Khám bệnh, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Nhập cận lâm sàng | 001897/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0942988712 | |
| 15 | Phan Thúy Oanh | 1975 | Khoa Khám bệnh, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Nhập cận lâm sàng | 001990/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0919826707 | |
| 16 | Huỳnh Thu Trang | 1985 | Khoa Khám bệnh, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 001947/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0974366263 | |
| 17 | Nguyễn Đoàn Trung | 1980 | Khoa CĐHA, TTYT Vĩnh Thuận | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 000426/KG-CCHN | CK CĐHA | 0988449466 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Phạm Thị Út Tròn | 1977 | Khoa CĐHA, TTYT Vĩnh Thuận | Bác sĩ | Ủy viên | CĐHA | 004242/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0945706672 | |
| 19 | Lê Thị Mỹ Nhân | 1984 | Khoa CĐHA, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân | Ủy viên | CĐHA | 001975/KG-CCHN | Thực hiện kỹ thuật về Hình ảnh y học | 0834669637 | |
| 20 | Trần Thị Kim Loan | 1970 | Khoa CĐHA, TTYT Vĩnh Thuận | Điều dưỡng | Ủy viên | CĐHA | 002006/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0365349702 | |
| 21 | Đỗ Trọng Nghĩa | 1993 | Khoa CĐHA, TTYT Vĩnh Thuận | Y sĩ, KTV X-quang | Ủy viên | Chẩn đoán hình ảnh | 006110/KG-CCHN | Y sĩ, KTV X-quang | 0945202093 | |
| 22 | Phạm Hoài Nhân | 1996 | Khoa CĐHA, TTYT Vĩnh Thuận | KTV | Ủy viên | CĐHA | 007887/KG-CCHN | KTV hình ảnh y học | 0948133422 | |
| 23 | Nguyễn Hoàng Thương | 1989 | Phó TK Xét nghiệm, TTYT Vĩnh Thuận | CKI Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 003359/KG-CCHN | CK Xét nghiệm y học | 0943520052 | |
| 24 | Đặng Hà Dong | 1987 | Khoa Xét nghiệm, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 001878/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0943573198 | |
| 25 | Trần Thị Quỳnh Như | 1993 | Khoa Xét nghiệm, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 004249/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0834511501 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 26 | Tô Ny | 1995 | Khoa Xét nghiệm, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 007684/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0853899990 | |
| 27 | Phan Việt Nhân | 1999 | Khoa Xét nghiệm, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 008182/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0913107410 | |
| 28 | Cao Hữu Hạnh | 1999 | Khoa Xét nghiệm, TTYT Vĩnh Thuận | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 007673/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0855722754 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC GIANG THÀNH

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hồ Hữu Phước | 1972 | Phó Giám đốc phụ trách, TTYT Giang Thành | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000188/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0918488963 | |
| 2 | Trần Thị Thu Liệt | 1983 | Phó Giám đốc, TTYT Giang Thành | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 004275/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0916444860 | |
| 3 | Trương Thanh Trung | 1993 | TP KHNV-ĐD-Truyền thông, TTYT Giang Thành | Bác sĩ | UVTT kiêm Thư ký | | 008207/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0358972756 | |
| 4 | Nghiêm Minh Trí | 1969 | NV Khoa Nội-Nhi-Nhiễm, TTYT Giang Thành | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa | 000374/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0918594614 | |
| 5 | Lâm Bảo Quân | 1979 | TK KB-TV&ĐTNC-RHM-M-TMH-YHCT và PHCN, TTYT Giang Thành | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa; Da liễu | 000377/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Ngoại | 0918867641 | |
| 6 | Hoàng Thị Trang | 1985 | TK CSSKSS và PS - Ngoại-PT-GMHS, TTYT Giang Thành | BSCKI | Ủy viên | Sản phụ khoa | 005938/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Sản | 0944884740 | |
| 7 | Lê Văn Sĩ | 1988 | TK KSBT-HIV/AIDS-YTCC-DD, TTYT Giang Thành | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 007628/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tai Mũi Họng | 0918787627 | |
| 8 | Trần Ngọc Thảo | 1996 | NV Khoa KB-TV&ĐTNC-RHM-M-TMH-YHCT và PHCN, TTYT Giang Thành | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 008412/KG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0911660907 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Nghiêm Thị Huệ | 1992 | Phó TK KB-TV&ĐTNC-RHM-M-TMH-YHCT và PHCN, TTYT Giang Thành | Bác sĩ | Ủy viên | Mắt | 004273/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Mắt | 0984980881 | |
| 10 | Lâm Bảo Duy | 1999 | NV Khoa KSBT-HIV/AIDS-YTCC-DD, TTYT Giang Thành | Bác sĩ | Ủy viên | Thần kinh; Tâm thần | 002154/AG-GPHN | Y khoa | 0948456069 | |
| 11 | Nguyễn Thị Ngọc Mai | 1999 | NV KHNV-ĐD-Truyền thông, TTYT Giang Thành | Bác sĩ | Ủy viên | Hỗ trợ Bác sĩ khám Mắt | 001278/AG-GPHN | Y khoa | 0363312062 | |
| 12 | Trương Mộng Nghi | 1987 | Phó TP TCHC, TTYT Giang Thành | BSCKI | Thành viên | Kết luận ECG | 006498/KG-CCHN | KCB đa khoa; đọc ECG | 0949299377 | |
| 13 | Nguyễn Bá Nam | 1986 | KTV trưởng, Khoa XN-CĐHA, TTYT Giang Thành | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 007912/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0917958030 | |
| 14 | Đồng Thị Cẩm Tiên | 1998 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Giang Thành | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 007686/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0912255303 | |
| 15 | Nghiêm Thị Bích ThỦy | 1991 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Giang Thành | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 008030/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0969982246 | |
| 16 | Trần Danh Hoàng Phương | 1991 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Giang Thành | KTV CĐHA | Ủy viên | Chụp X-quang | 001661/KG-CCHN | Hình ảnh y học | 0946199491 | |
| 17 | Nguyễn Tri Tôn | 1982 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Giang Thành | KTV CĐHA | Ủy viên | Chụp X-quang | 002105/KG-CCHN | Thực hiện kỹ thuật về hình ảnh y học | 0917113719 | |
| 18 | Thị Hiền | 1994 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Giang Thành | Bác sĩ | Ủy viên | Siêu âm | 007676/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK CĐHA | 0964557364 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | Trần Thị Thuỳ Trân | 1997 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Giang Thành | Bác sĩ | Ủy viên | Siêu âm | 000852/KG-CCHN | Y khoa; Siêu âm | 0986009917 | |
| 20 | Danh Dũng | 1970 | NV Khoa KSBT-HIV/AIDS-YTCC-DD, TTYT Giang Thành | Y sĩ | Ủy viên | Hỗ trợ Bác sĩ | | Y sĩ | 0392613233 | |
| 21 | Nguyễn Minh Quân | 1984 | NV Khoa KSBT-HIV/AIDS, TTYT Giang Thành | Y sĩ | Ủy viên | Đo sinh hiệu | 001143/KG-CCHN | Y sĩ | 0912423325 | |
| 22 | Kim Ngọc Lên | 1987 | NV Khoa KSBT-HIV/AIDS, TTYT Giang Thành | Y sĩ | Ủy viên | Đo thể lực | 004425/KG-CCHN | Y sĩ | 0822787872 | |
| 23 | Nguyễn Thành Đô | 1997 | NV Khoa Khám bệnh - Tư vấn và điều trị nghiện chất - RHM - M- TMH - YHCT và PHCN, TTYT Giang Thành | Y sĩ | Ủy viên | Hỗ trợ | 000782/KG-CCHN | YHCT | 0817335550 | |
| 24 | Danh Ngọc Toàn | 1983 | Phó TP Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng - Truyền thông, TTYT Giang Thành | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ Bác sĩ siêu âm | 005237/KH-CCHN | Điều dưỡng | 0818359049 | |
| 25 | Lê Nguyễn Mỹ Duyên | 2003 | NV Khoa Nội-Nhi-Nhiễm, TTYT Giang Thành | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo ECG | 001562/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0333109430 | |
| 26 | Trần Thị Thuý An | 1991 | NV Kế hoạch - Nghiệp vụ - Điều dưỡng - Truyền thông, TTYT Giang Thành | Bác sĩ | Ủy viên | Hỗ trợ | 002056/AG-GPHN | Y khoa | 0946169046 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC PHÚ TÂN

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trương Tấn Thành | 1967 | Giám đốc, TTYT Phú Tân | BSCKI | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 001590/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0913969083 | |
| 2 | Phan Tấn Tài | 1966 | Phó Giám đốc, TTYT Phú Tân | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000967/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0982614104 | |
| 3 | Nguyễn Thái Bình | 1972 | TP TCHC, TTYT Phú Tân | Cử nhân Luật; Y sĩ | UVTT kiêm Thư ký | Thư ký | 002663/AG-CCHN | Y sĩ | 0946555539 | |
| 4 | Nguyễn Trí Thượng | 1966 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Phú Tân | BSCKI | Ủy viên | Khám Da liễu | 003369/AG-CCHN | KCB CK Da liễu | 0974755252 | |
| 5 | Trịnh Hồng Tỷ | 1969 | NV Khoa Ngoại, TTYT Phú Tân | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 002046/AG-CCHN | KCB CK Ngoại khoa | 0913676333 | |
| 6 | Võ Phước Tân | 1967 | NV Khoa Nội, TTYT Phú Tân | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa | 002995/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0989767725 | |
| 7 | Trần Thị Ngọc Hân | 1994 | NV Khoa Nội, TTYT Phú Tân | BSCKI | Ủy viên | Thần kinh | 008620/AG-CCHN | KCB CK Thần kinh | 0949418151 | |
| 8 | Trần Phụng Vũ | 1983 | TK RHM-M-TMH, TTYT Phú Tân | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 002192/AG-CCHN | KCB CK Mắt | 0985854499 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Nguyễn Văn Chuyện | 1972 | NV Khoa RHM-M-TMH, TTYT Phú Tân | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 001603/AG-CCHN | KCB CK Tai Mũi Họng | 0985222853 | |
| 10 | Mai Lê Huyền Trân | 1979 | NV Khoa RHM-M-TMH, TTYT Phú Tân | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 009666/AG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0984331283 | |
| 11 | Trần Trọng Tín | 1978 | TK CĐHA, TTYT Phú Tân | BSCKII | Ủy viên | CĐHA | 002662/AG-CCHN | CK CĐHA | 0985767176 | |
| 12 | Trần Thị Mai Trâm | 1989 | Quyền TK Xét nghiệm, TTYT Phú Tân | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 003021/AG-CCHN | Xét nghiệm | 0986975560 | |
| 13 | Nguyễn Duy Nhân | 1964 | NV Phòng KHNV, TTYT Phú Tân | Điều dưỡng Trung cấp | Ủy viên | Đo thể lực | | | 0913125019 | |
| 14 | Dương Văn Sơn | 1983 | NV Khoa Dược, TTYT Phú Tân | Dược Cao đẳng | Ủy viên | Đo thể lực | 0839/AG-CCHND | Dược sĩ | 0913748252 | |
| 15 | Nguyễn Trọng Nghĩa | 1971 | NV Khoa KSNK, TTYT Phú Tân | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo ECG | 001633/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0989017879 | |
| 16 | Nguyễn Thanh Hồ | 1971 | NV khoa Khám bệnh, TTYT Phú Tân | CN Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch; Đo huyết áp | 001637/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0978322530 | |
| 17 | Nguyễn Thời Đại | 1982 | Phó TP Điều dưỡng, TTYT Phú Tân | Cử nhân | Ủy viên | Đo huyết áp; đếm mạch | 003575/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0913995300 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Điều dưỡng | | | | | | |
| 18 | Nguyễn Thanh Tuấn | 1981 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Phú Tân | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ | 003648/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0988942724 | |
| 19 | Phan Bảo Trung | 1990 | NV Khoa RHM-M-TMH, TTYT Phú Tân | Cao đẳng Điều dưỡng | Ủy viên | Phụ khám Mắt | 005643/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0938472817 | |
| 20 | Nguyễn Văn Lượm | 1982 | NV Phòng TCKT, TTYT Phú Tân | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Thống kê, báo cáo | 002884/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0352662226 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC GÒ QUAO

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Hiền Nhơn | 1968 | Phó Giám đốc, TTYT Gò Quao | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000344/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Nhi khoa | 0944699399 | |
| 2 | Nguyễn Văn Út | 1976 | TP KHNV-ĐD, TTYT Gò Quao | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Khám Nội; Thần kinh; đọc kết quả ECG | 000249/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0919081416 | |
| 3 | Nguyễn Thanh Truyền | 1975 | TK Nội- Nhi-Truyền Nhiễm, TTYT Gò Quao | BSCKI | UVTT kiêm Thư ký | Khám Nội; Thần kinh; đọc kết quả ECG, X-quang | 000045/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Truyền nhiễm | 0941224749 | |
| 4 | Danh Quí | 1972 | Giám đốc, Trạm Y tế xã Gò Quao | BSCKI | Ủy viên | Khám Ngoại khoa | 000119/KG-CCHN | KCB Ngoại khoa | 0947383717 | |
| 5 | Huỳnh Văn Thưởng | 1981 | NV Trạm Y tế xã Gò Quao | BSCKI | Ủy viên | Khám Tâm thần | 002051/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tâm thần | 0366106146 | |
| 6 | Danh Lành | 1966 | Phó TK KB-M-RHM-TMH, TTYT Gò Quao | BSCKI | Ủy viên | Khám Mắt | 003437/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Mắt | 0768107229 | |
| 7 | Đỗ Phước Linh | 1975 | NV Khoa Nội-Nhi- Truyền nhiễm, TTYT Gò Quao | BSCKI | Ủy viên | Khám Mắt | 000048/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Mắt | 0918868201 | |
| 8 | Danh Thị Thùy Trang | 1989 | Phó TK KB-M-RHM-TMH, TTYT Gò Quao | BSCKI | Ủy viên | Khám CK Tai Mũi Họng | 005303/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Tai Mũi Họng | 0849443199 | |
| 9 | Trương Bùi Nhã Linh | 1992 | NV Khoa KB-M-RHM- | BSCKI | Ủy viên | Khám CK Răng Hàm Mặt | 006370/KG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0946311665 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TMH, TTYT Gò Quao | | | | | | | |
| 10 | Huỳnh Thanh Việt | 1968 | Phụ trách Khoa KSBT và HIV/AIDS, TTYT Gò Quao | BSĐK; sơ bộ Da liễu | Ủy viên | Khám Da liễu | 006581/KG-CCHN | KCB đa khoa | | |
| 11 | Nguyễn Ngọc Ngân | | NV Khoa CSSKSS và PS, TTYT Gò Quao | BSĐK; Siêu âm tổng quát | Ủy viên | Siêu âm | 000750/KG-GPHN | KCB CK phụ sản | 0328747733 | |
| 12 | Trần Thị Anh Hảo | 1992 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Gò Quao | BSCKI | Ủy viên | Siêu âm | 006335/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Nhi khoa | 0366965953 | |
| 13 | Trần Phước Tân | 1980 | Phó TK XN và CĐHA, TTYT Gò Quao | Đại học Xét nghiệm Y học | Ủy viên | Thực hiện xét nghiệm | 002041/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0368766010 | |
| 14 | Lương Kim Huyền | 1985 | KTV trưởng, Khoa XN và CĐHA, TTYT Gò Quao | Đại học Xét nghiệm Y học | Ủy viên | Thực hiện xét nghiệm | 004864/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0972812912 | |
| 15 | Nguyễn Văn Khải | 1971 | NV Khoa XN và CĐHA, TTYT Gò Quao | KTV Xét nghiệm | Ủy viên | Thực hiện xét nghiệm | 004867/KG-CCHN | KTV Xét nghiệm | 0907236866 | |
| 16 | Thị Kiêm Hiền | 1987 | NV Khoa XN và CĐHA, TTYT Gò Quao | Đại học Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ siêu âm | 002060/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0988458876 | |
| 17 | Trương Văn Hồng | 1984 | NV Khoa XN và CĐHA, TTYT Gò Quao | Trung cấp KTV Xquang | Ủy viên | Thực hiện chụp X-quang | 002048/KG-CCHN | KTV hình ảnh y học | 0856789166 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Thạch Thị Nành | 1989 | NV Khoa KB-M-RHM-TMH, TTYT Gò Quao | Đại học Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thị lực | 002081/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0939293170 | |
| 19 | Kha Thiệp | 1987 | ĐDT Khoa Ngoại-PT-GMHS, TTYT Gò Quao | Đại học Điều dưỡng | Ủy viên | Hỗ trợ đo ECG | 002016/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0396601246 | |
| 20 | Trần Quốc Toản | 1981 | NV Khoa Ngoại-PT-GMHS | Đại học Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 002055/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0363999937 | |
| 21 | Huỳnh Văn Hải | 1980 | NV Khoa KB-M-RHM-TMH, TTYT Gò Quao | Trung cấp Điều dưỡng nha khoa | Ủy viên | Đo thể lực | 002049/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0853133727 | |
| 22 | Lý Minh Tiến | 1992 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Gò Quao | Y sĩ đa khoa | Ủy viên | Đo thể lực | 005052/KG-CCHN | Y sĩ | 0914306464 | |
| 23 | Đinh Huỳnh Như | 1987 | NV Phòng TCHC-TTGDSK, TTYT Gò Quao | Đại học dược | Ủy viên | Nhập danh sách quân đến khám | 591/CCHN-D-SYT-ST | Dược sĩ | 0774080087 | |
| 24 | Nguyễn Hồng Nhi | 1988 | ĐDT KB-M-RHM-TMH, TTYT Gò Quao | Cử nhân điều dưỡng | Ủy viên | Nhập chỉ định cận lâm sàng | 002008/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0973671335 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC HÒN ĐẤT

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Trực | 1965 | Giám đốc, TTYT Hòn Đất | BSCKI | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000777/KG-CCHN | KCB Nội khoa | 0918083665 | |
| 2 | Trần Hải Toàn | 1977 | Phó Giám đốc, TTYT Hòn Đất | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận; Ngoại khoa | 00661/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CKI Ngoại khoa | 02973507763 | |
| 3 | Nguyễn Trường Phát | 1984 | Phó Giám đốc, TTYT Hòn Đất | BSCKII | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận; Nội khoa | 005046/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Nội khoa | 0909098541 | |
| 4 | Đỗ Thị Thu Trang | 1983 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Dược sĩ Đại Học | UVTT kiêm Thư ký | Tư vấn xét nghiệm HIV | 1710/CCHN-D-SYT-KG | Dược sĩ | 0986906009 | |
| 5 | Đỗ Hồng Hải | 1977 | TK Nội, TTYT Hòn Đất | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa | 000660/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CKI Nội Khoa | 0948379777 | |
| 6 | Lê Hoàng Nên | 1989 | Phụ trách khoa Ngoại, TTYT Hòn Đất | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa; Da liễu | 007078/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Chấn thương chỉnh hình | 0387420082 | |
| 7 | Quách Tú Anh | 1965 | NV PKĐK Thanh Bình Sóc Xoài | Bác sĩ | Ủy viên | Mắt | 001024/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK sơ bộ Mắt | 0986814886 | |
| 8 | Thị Hoa Nguyệt | 1977 | NV Khoa RHM-M-TMH, TTYT Hòn Đất | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 002447/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Tai Mũi Họng | 0978303299 | |
| 9 | Thái Hồ Kim Trinh | 1996 | NV Khoa RHM-M-TMH, TTYT Hòn Đất | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 008532/KG-CCHN | KCB CK Răng Hàm Mặt | 0367634874 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | Phạm Nguyễn Vũ | 1991 | Phó TK YTCC - ATTP, TTYT Hòn Đất | | Ủy viên | Thần kinh; Tâm Thần | 7435/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK Thần kinh | 0977404743 | |
| 11 | Trần Nhật Phượng | 1991 | NV Khoa CSSKSS và PS, TTYT Hòn Đất | Bác sĩ | Ủy viên | Sản khoa | 001051/KG-CCHN | KCB Sản phụ khoa | 0379604399 | |
| 12 | Danh Bích | 1981 | TK XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 004398/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK CĐHA | 0989303323 | |
| 13 | Nguyễn Phương Thanh | 1999 | KTV trưởng, Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Đại học Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 007992/KG-CCHN | CK Xét Nghiệm | 0337154959 | |
| 14 | Lê Thị Thúy | 1986 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | KTV Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 1053/KG-CCHN | CK Xét Nghiệm | 0986532399 | |
| 15 | Trần Thị Phương Tâm | 1984 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Đại học Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 003455/KG-CCHN | CK Xét Nghiệm | 0975121900 | |
| 16 | Trần Thị Cẩm Tiên | 1997 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Đại học Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 006203/KG-CCHN | CK Xét Nghiệm | 0347476391 | |
| 17 | Nguyễn Thị Phượng | 1970 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Dược sĩ | Ủy viên | Xét nghiệm | 155/CCHN-D-SYT-KG | Dược sĩ | 0976884469 | |
| 18 | Nguyễn Ngọc Tài | 1992 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 000354/KG-CCHN | CK Xét Nghiệm | 0976792712 | |
| 19 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | 1992 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Đại học Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 007868/KG-CCHN | CK Xét Nghiệm | 0389606033 | |
| 20 | Hoàng Thị Thủy | 1990 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Điều dưỡng | Ủy viên | Đo ECG | 001066/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0397934646 | |
| 21 | Hà Duy Phương | 1989 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Đại học CĐHA | Ủy viên | Chụp X-quang | 003386/KG-CCHN | Xét Nghiệm | 0365355444 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Bùi Minh Nho | 1976 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Điều dưỡng | Ủy viên | Chụp X-quang | 001076/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0988223655 | |
| 23 | Trần Quốc Tuấn | 1988 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Hòn Đất | Y sĩ | Ủy viên | Chụp X-quang | 004843/KG-CCHN | Y sĩ | 0378888402 | |
| 24 | Nguyễn Nhật Tâm | 1988 | NV Khoa Nội, TTYT Hòn Đất | Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch; Đo huyết áp | 005133/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0917765234 | |
| 25 | Thái Văn Liệt | 1982 | NV Khoa YTCC-ATTP, TTYT Hòn Đất | Đại học YTCC | Ủy viên | Đo thể lực | | | 0911640700 | |
| 26 | Nguyễn Ngọc Lĩnh | 1984 | ĐDT Khoa khám bệnh, TTYT Hòn Đất | Điều dưỡng Đại học | Ủy viên | Đếm mạch; Đo huyết áp | 003538/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0335662303 | |
| 27 | Lưu Thị Xuyến | 1994 | NV Phòng ĐD-TTGDSK, TTYT Hòn Đất | Điều dưỡng Đại học | Ủy viên | Đo ECG | 4403/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0374804541 | |
| 29 | Phan Công Tạo | 1982 | NV TYT xã Bình Sơn | Y sĩ | Ủy viên | Hỗ trợ | 005143/KG-CCHN | Y sĩ | 0985133353 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC CHÂU PHÚ

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Hoàng Huy | 1981 | Giám đốc, TTYT Châu Phú | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000617/AG-CCHN | KCB CK Sản phụ khoa - KHHGĐ | 0909552053 | |
| 2 | Nguyễn Đăng Khoa | 1976 | Phó Giám đốc, TTYT Châu Phú | BSCKII | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 001428/AG-CCHN | KCB CK hệ Nội | 0918160466 | |
| 3 | Huỳnh Thị Mỹ Hạnh | 1981 | TP KHNV, TTYT Châu Phú | BSCKI | UVTT kiêm Thư ký | - | 003364/AG-CCHN | KCB hệ Nội | 0979879734 | |
| 4 | Ngô Thanh Tuấn | 1965 | TK Khám bệnh, TTYT Châu Phú | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Thần kinh | 002902/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0918749943 | |
| 5 | Lương Phúc Trường | 1992 | Phó TK Nội, TTYT Châu Phú | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa; Thần kinh | 009612/AG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0963063093 | |
| 6 | Phạm Gắng Công | 1978 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Châu Phú | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 002001/AG-CCHN | KCB CK Ngoại khoa | 0918398182 | |
| 7 | Đoàn Minh Đức | 1967 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Châu Phú | Bác sĩ | Ủy viên | Da liễu; Tâm thần | 002590/AG-CCHN | KCB CK Nội; CK Da liễu | 0988058583 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Thái Nhật Trường | 1999 | NV Khoa LCK, TTYT Châu Phú | BSĐK | Ủy viên | Hỗ trợ khám Mắt | 001313/AG-GPHN | Y Khoa | 0349333593 | |
| 9 | Phạm Tấn Phát | 1996 | NV Khoa LCK, TTYT Châu Phú | Bác sĩ | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 000746/AG-GPHN | Y khoa | 0326000046 | |
| 10 | Đào Thanh Trúc | 1993 | NV Khoa LCK, TTYT Châu Phú | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 008481/AG-CCHN | KCB CK RHM | 0839697307 | |
| 11 | Nguyễn Thị Út | 1979 | Phó TK CSSKSS, TTYT Châu Phú | Bác sĩ | Ủy viên | Sản khoa | 008363/AG-CCHN | KCB đa khoa | 0969035497 | |
| 12 | Trần Đắc Thắng | 1975 | ĐDT Khoa XN, TTYT Châu Phú | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 009260/AG-CCHN | KTV | 0919266833 | |
| 13 | Bùi Hữu Tâm | 1993 | NV Khoa Xét nghiệm, TTYT Châu Phú | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 009795/AG-CCHN | KTV | 0943331192 | |
| 14 | Lê Văn Thoại | 1965 | TK CĐHA, TTYT Châu Phú | Bác sĩ | Ủy viên | CĐHA | 001430/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp; CK CĐHA | 0974709192 | |
| 15 | Nguyễn Văn Hải | 1967 | NV Phòng ĐD, TTYT Châu Phú | Điều dưỡng | Ủy viên | Đếm mạch, Đo huyết áp | 003139/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0988392580 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | Lữ Phong Phú | 1977 | NV Khoa Ngoại, TTYT Châu Phú | Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 003050/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0919584931 | |
| 17 | Trần Thị Huỳnh Châu | 1982 | NV Phòng KHNV, TTYT Châu Phú | Dược sĩ Đại học | Ủy viên | Thống kê, báo cáo | 1380/AG-CCHND | Dược sĩ | 0848004099 | |
| 18 | Nguyễn Minh Kha | 2001 | NV Tổ IT/ Phòng KHNV, TTYT Châu Phú | CNTT | Ủy viên | Nhập dữ liệu/Thống kê | - | CNTT | 0586856706 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC TÂN CHÂU

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn No | 1966 | Giám đốc, BVĐK Tân Châu | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000286/AG-CCHN | KCB CK Ngoại khoa | 0913688945 | |
| 2 | Hứa Hoài Tâm | 1972 | Phó Giám đốc, BVĐK Tân Châu | Thạc sĩ Bác sĩ | Phó Chủ tịch Hội đồng | Phụ trách chuyên môn | 000692/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0836611333 | |
| 3 | Nguyễn Thị Như Huỳnh | 1999 | NV khth, BVĐK Tân Châu | Bác sĩ | UVTT kiêm Thư ký | Tổng hợp, báo cáo | 001426/AG-GPHN | Y học dự phòng | 0979791251 | |
| 4 | Mai Văn Phúc | 1965 | TK Nội, BVĐK Tân Châu | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa - Thần kinh - Tâm thần | 000266/AG-CCHN | KCB CK Nội tổng hợp | 0913954532 | |
| 5 | Trần Văn Điền | 1967 | TK Khoa Truyền nhiễm, BVĐK Tân Châu | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa - Thần kinh - Tâm thần | 000279/AG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0837579567 | |
| 6 | Nguyễn Huỳnh Trung Đan | 1995 | NV Khoa Ngoại, BVĐK Tân Châu | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 009099/AG-CCHN | KCB Ngoại khoa; CK Chấn thương chỉnh hình | 0911512215 | |
| 7 | Hồ Trần Công | 1972 | Phó Giám đốc, BVĐK Tân Châu | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 000287/AG-CCHN | KCB CK Mắt | 0913791291 | |
| 8 | Lê Phước Nhàn | 1992 | ĐDT Khoa Liên chuyên khoa, BVĐK Tân Châu | Cử nhân điều dưỡng | Ủy viên | Mắt | 005493/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0917475753 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Nguyễn Văn Nhờ | 1970 | NV Khoa Liên chuyên khoa, BVĐK Tân Châu | Bác sĩ | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 000270/AG-CCHN | KCB Nội tổng hợp; CK MTH | 0918592077 | |
| 10 | Trương Thị Hoa Sen | 1988 | Quyền TK RHM, BVĐK Tân Châu | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 0004635/AG-CCHN | KCB Răng Hàm Mặt | 0948284801 | |
| 11 | Nguyễn Tấn Thành | 1968 | TK Khám bệnh, BVĐK Tân Châu | BSCKI | Ủy viên | Da liễu | 001211/AG-CCHN | KCB CK Da liễu | 0919247568 | |
| 12 | Lâm Phương Mai | 1996 | NV Khoa Phụ sản, BVĐK Tân Châu | BSCKI | Ủy viên | Sản khoa | 009807/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Sản phụ khoa | 0339688587 | |
| 13 | Trần Văn Vừa | 1972 | NV Khoa CĐHA, BVĐK Tân Châu | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 003014/AG-CCHN | KCB CK Ngoại; CK CĐHA | 0776822555 | |
| 14 | Thái Thành Ngôn | 1982 | ĐDT Khoa KB, BVĐK Tân Châu | Cử nhân điều dưỡng | Ủy viên | Đo ECG | 005172/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0846661155 | |
| 15 | Trần Văn Thiện | 1983 | NV Khoa KB, BVĐK Tân Châu | Cử nhân điều dưỡng | Ủy viên | Đo ECG | 003308/AG-CCHN | Dược sĩ | 0919011460 | |
| 16 | Đặng Minh Hiển | 1983 | NV Khoa Nội, BVĐK Tân Châu | Cử nhân điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 002062/AG-CCHN | Dược sĩ | 0852121157 | |
| 17 | Nguyễn Hoàng Tâm | 1981 | ĐDT Khoa Cấp cứu, BVĐK Tân Châu | Cử nhân điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 002295/AG-CCHN | Dược sĩ | 0919996144 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC LONG XUYÊN

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Minh Tân | 1967 | Giám đốc, TTYT Long Xuyên | BSCKII | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 001044/AG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0918755296 | |
| 2 | Nguyễn Thị Hân | 1975 | Phó giám đốc, TTYT Long Xuyên | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000004/AG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0949649679 | |
| 3 | Nguyễn Thị Phước Hạnh | 1973 | TP KHNV-ĐD, TTYT Long Xuyên | BSCKI | UVTT kiêm Thư ký | | 0004825/AG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0987695363 | |
| 4 | Nguyễn Thanh Hoàng | 1974 | TK CC-HSTC và CĐ, TTYT Long Xuyên | BSCKI | Ủy viên | Nội khoa | 003681/AG-CCHN | KCB CK Nội khoa | 0918060036 | |
| 5 | Trương Ngọc Ẩn | 1981 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Long Xuyên | BSCKI | Ủy viên | Thần kinh; Tâm thần | 007449/AG-CCHN | KCB Da liễu; CK Nội Thần kinh; CK Nội khoa | 0702815560 | |
| 6 | Quách Trọng Chân | 1968 | TK RHM-M-TMH, TTYT Long Xuyên | BSCKI | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 000099/AG-CCHN | KCB CK Nội khoa; CK Tai Mũi Họng | 0919335365 | |
| 7 | Phan Trần Thị Khánh Linh | 1978 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Long Xuyên | BSCKI | Ủy viên | Da liễu | 000164/AG-CCHN | KCB CK Da liễu | 0939399108 | |
| 8 | Lê Thị Mai | 1977 | Phó TK RHM-M-TMH, TTYT Long Xuyên | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 008797/AG-CCHN | KCB đa khoa; CK Mắt | 0987055958 | |
| 9 | Phạm Thị Phương Thảo | 1978 | Phó TK XN-CĐHA-KSNK, | BSCKI | Ủy viên | CĐHA | 07801/AG-CCHN | KCB đa khoa | 0989027062 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TTYT Long Xuyên | | | | | | | |
| 10 | Nguyễn Thị Việt Phương | 1995 | NV Khoa RHM-M-TMH, TTYT Long Xuyên | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 009166/AG-CCHN | KCB Răng Hàm Mặt | 0385945928 | |
| 11 | Lưu Hiếu Nghĩa | 1992 | NV Khoa Ngoại -PT-GMHS, TTYT Long Xuyên | BSCKI | Ủy viên | Ngoại khoa | 009335/AG-CCHN | KCB CK Ngoại khoa | 0766857432 | |
| 12 | Mai Thảo Ly | 1977 | Phó TK CSSKSS và PS, TTYT Long Xuyên | BSCKI | Ủy viên | Sản Phụ khoa | 008388/AG-CCHN | KCB CK Sản Phụ khoa | 0986903520 | |
| 13 | Nguyễn Trí Đại | 1993 | NV Khoa CC-HSTC và CĐ, TTYT Long Xuyên | BSCKI | Ủy viên | Đọc điện não đồ | 008448/AG-CCHN | KCB đa khoa | 0364051178 | |
| 14 | Đỗ Ngọc Như Thảo | 1997 | NV Khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Long Xuyên | BSĐK | Ủy viên | Siêu âm | 0010215/AG-CCHN | KCB đa khoa | 0939399056 | |
| 15 | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh | 1997 | NV Khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Long Xuyên | KTV Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 000118/ĐT-GPHN | Xét nghiệm y học | 0907455295 | |
| 16 | Phạm Nguyễn Đình Duy | 1997 | NV Khoa XN-CĐHA-KSNK, TTYT Long Xuyên | Điều dưỡng cao đẳng | Ủy viên | Chụp X-quang | 010547/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0332128522 | |
| 17 | Trần Thị Bé Ba | 1983 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Long Xuyên | Điều dưỡng cao đẳng | Ủy viên | Đo ECG | 001034/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0985440683 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Trần Việt Phương | 1995 | NV Khoa CC-HSTC và CĐ, TTYT Long Xuyên | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo Mắt | 001528/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0336495854 | |
| 19 | Hà Thị Hương | 1979 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Long Xuyên | Điều dưỡng cao đẳng | Ủy viên | Đếm mạch; Đo huyết áp | 003644/AG-CCHN | Điều dưỡng | 0986232884 | |
| 20 | Lê Thị Tuyết Kha | 1994 | NV Khoa Khám bệnh, TTYT Long Xuyên | Cử nhân Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 000471/AG-GPHN | Điều dưỡng | 0962872521 | |
| 21 | Nguyễn Quỳnh Như | 1996 | NV Phòng KHNV-ĐD, TTYT Long Xuyên | Bác sĩ | Ủy viên | Tiếp đón; hậu cần | 001181/AG-GPHN | Y học dự phòng | 0985456766 | |
| 22 | Trương Thúy An | 1985 | NV Phòng TCHC, TTYT Long Xuyên | Cử nhân Kế toán | Ủy viên | Hậu cần | | Kế toán | 0987027943 | |

# HỘI ĐỒNG KHÁM SỨC KHỎE KHU VỰC CHÂU THÀNH - KIÊN GIANG

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ, đơn vị công tác | Trình độ chuyên môn | Chức danh | Chuyên khoa phụ trách | Số CCHN/ GPHN | Phạm vi hành nghề | Số điện thoại | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Ngọc Trung | 1965 | Giám đốc, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | BSCKI | Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 000360/KG-CCHN | KCB Nội khoa; CK Nhi | 0949535699 | |
| 2 | Đỗ Thị Ánh Hằng | 1984 | Phó Giám đốc, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | BSCKI | Phó Chủ tịch Hội đồng | Kết luận | 004110/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0919020581 | |
| 3 | Trần Phương Vũ | 1999 | NV Phòng KHNV, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Bác sĩ | UVTT kiêm Thư ký | | 001653/AG-GPHN | Y khoa | 0943445779 | |
| 4 | Danh Lai | 1990 | NV Khoa HSCC - Ngoại tổng hợp, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Bác sĩ | Ủy viên | Ngoại khoa | 006058/KG-CCHN | KCB đa khoa; Chấn thương chỉnh hình | 0901012575 | |
| 5 | Trần Thị Thu Ngân | 1981 | TK RHM-M-TMH, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | BSCKI | Ủy viên | Mắt | 001099/KG-CCHN | KCB CK Mắt | 0977332755 | |
| 6 | Danh Phúc | 1995 | NV Khoa RHM-M- TMH, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Y sĩ | Ủy viên | Mắt | 005956/KG-CCHN | Y sĩ; KTV khúc xạ | 0911644384 | |
| 7 | Ngô Đức Thuận | 1993 | NV Khoa HSCC - Ngoại tổng hợp, TTYT | Bác sĩ | Ủy viên | Tai Mũi Họng | 001641/AG-GPHN | Y khoa | 0944496044 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Châu Thành-Kiên Giang | | | | | | | |
| 8 | Lê Thái Trung | 1997 | NV Khoa RHM-M- TMH, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Bác sĩ | Ủy viên | Răng Hàm Mặt | 008502/KG-CCHN | Răng Hàm Mặt | 0947257545 | |
| 9 | Danh Ngọc Châu | 1982 | Phó TP KHNV, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | BSCKI | Ủy viên | Da liễu | 004947/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0915554553 | |
| 10 | Danh Thị Hồng Hà | 1992 | NV Khoa KB-TV&ĐTNC, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Bác sĩ | Ủy viên | Thần kinh; Tâm thần | 7548/KG-CCHN | KCB đa khoa | 0976223165 | |
| 11 | Cao Thị Thu Viên | 1984 | Phó TK CSSK-PS, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Bác sĩ | Ủy viên | Sản phụ khoa | 005294/KG - CCHN | KCB đa khoa; CK Sản phụ khoa | 0946861949 | |
| 12 | Phạm Kim So | 1981 | KTV trưởng, Khoa XN - CĐHA, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 001082/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0945547698 | |
| 13 | Nguyễn Thanh Tùng | 1994 | NV Khoa XN-CĐHA, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Cử nhân Xét nghiệm | Ủy viên | Xét nghiệm | 006204/KG-CCHN | CK Xét nghiệm | 0941659962 | |
| 14 | Danh Trọng Nguyễn | 1992 | Phó TK KB-TV&ĐTNC, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | BSCKI | Ủy viên | Chẩn đoán hình ảnh | 006462/KG-CCHN | KCB đa khoa; CK CĐHA; CK Nội khoa | 0939191613 | |

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Đinh Thanh Mai | 1985 | Quyền TP ĐD-TTGDSK, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Cử nhân Điều dưỡng đa khoa | Ủy viên | CĐHA | 001111/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0985357922 | |
| 16 | Đổ Văn Nhí | 1984 | NV Khoa khám bệnh, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Cao đẳng điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 004113/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0819401239 | |
| 17 | Nguyễn Thanh Hùng | 1970 | NV Khoa KB-TV&ĐTNC, TTYT Châu Thành-Kiên Giang | Điều dưỡng | Ủy viên | Đo thể lực | 001090/KG-CCHN | Điều dưỡng | 0919008862 | |